

NGUYỄN MINH THUYẾT (Chủ biên)
NGUYỄN KHÁNH HÀ – TRẦN HIỀN LƯƠNG
ĐOÀN THIÊN THUẬT – NGUYỄN VIỆT TIẾN

Tiếng Việt Vui

SÁCH BÀI TẬP

QUYỂN

2

(SÁCH THỬ NGHIỆM)

NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI - 2007

Chịu trách nhiệm xuất bản :

Chủ tịch Hội đồng Thành viên MẠC VĂN THIÊN

Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập GS.TS. VŨ VĂN HÙNG

Biên tập lần đầu :

NGUYỄN THỊ NGỌC BẢO - TRẦN THỊ PHÚ BÌNH

Biên tập tái bản và sửa bản in :

ĐÀO TIẾN THI

Biên tập mỹ thuật :

NGUYỄN THANH LONG

Trình bày bìa và minh họa :

LÊ PHƯƠNG

Thiết kế sách :

LÊ PHƯƠNG - NGUYỄN THÀNH TRUNG

TIẾNG VIỆT VUI - SÁCH BÀI TẬP - QUYỂN 2

(Sách thử nghiệm)

Mã số : 8I900H5

In.....bản (QĐ ...), khổ 20,5 x 29,5cm.

Đơn vị in: ... địa chỉ ...

Cơ sở in: ... địa chỉ ...

Số ĐKXB: 4084. - 2015/CXBIPH/15 - 1875/GD

Số QĐXB: ... /QĐ-GD ngày ... tháng ... năm ...

In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 2015.

LỜI NÓI ĐẦU

Bộ sách bài tập *Tiếng Việt Vui* là tài liệu kèm theo sách học sinh nhằm giúp người học có thêm cơ hội củng cố hiểu biết và rèn luyện kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Việt. Bộ sách gồm 6 cuốn, mỗi cuốn ứng với một cuốn sách học sinh.

Cuốn sách này gồm 12 bài, mỗi bài ứng với một bài học trong sách *Tiếng Việt Vui, quyển 2*, không kể các bài ôn tập. Bài tập trong sách gồm các loại như sau :

- Bài tập hệ thống hoá vốn từ.
- Bài tập hội thoại.
- Bài tập ngữ pháp.
- Bài tập chính tả.
- Bài tập làm văn.

Giáo viên và người học có thể lựa chọn những bài tập thích hợp để thực hiện ngay trên lớp, cùng với bài tập trong sách học sinh. Các bài tập còn lại, người học tự làm ở nhà.

Để thích hợp với hoạt động tự học, các bài tập trong sách đều là bài tập viết. Nhưng nếu có thời gian và có người cùng học, bạn nên dựa vào các bài tập viết đó để rèn luyện thêm kỹ năng hội thoại.

Kinh nghiệm cho thấy, để nắm vững một ngôn ngữ, người học càng có cơ hội rèn luyện nhiều càng tốt. Cuốn sách bài tập này là cơ hội rèn luyện của bạn.

Chúc bạn thành công !

Thay mặt các tác giả

Chủ biên

NGUYỄN MINH THUYẾT

Giáo sư Đại học Quốc gia Hà Nội

Nguyên giáo sư thỉnh giảng Đại học Laval (Canada),
Đại học Paris 7 (Pháp)



Làm quen



1. Điền từ ngữ ở cột B vào chỗ trống ở cột A sao cho thích hợp.

A	B
– Em chào chị.	<i>bạn</i>
– Chào em.	<i>nước</i>
– Chị ơi, em là (1)..... của Huyền. Em mới ở Canada về.	<i>nóng</i>
– Ôi, hay quá ! Em (2)..... đi. Em về (3)..... đã lâu chưa ?	<i>Trung tâm</i>
– Em về được (4) rồi ạ.	<i>vào nhà</i>
– Ba má em có (5) không ?	<i>tiếng Việt</i>
– Không ạ.	<i>về cùng</i>
– Em đã quen với (6)..... ở nhà chưa ?	<i>một tuần</i>
– Em chưa quen. Mùa hè ở nhà (7)..... quá !	<i>học</i>
– Em nói tiếng Việt tốt lắm. Em (8) tiếng Việt ở đâu ?	<i>thời tiết</i>
– Ba má em dạy (9)..... cho em từ nhỏ. Em còn học tiếng Việt ở (10)..... nữa.	

2. Dùng từ **đừng**, viết lời khuyên ngăn theo gợi ý dưới đây :

a) Thuốc lá có hại cho sức khỏe.

.....

b) Nghiện rượu sẽ đau gan.

.....

c) Nói to ở nơi công cộng sẽ làm phiền người khác.

.....

d) Nước rất cần cho cơ thể. Vì vậy không nên đợi khát mới uống nước.

.....



3. Chuyển các câu sau thành câu hỏi theo mẫu.

M : Tối nay mình đến chào ba má cậu.

→ Tối nay mình đến chào ba má cậu **được không ?**

→ Tối nay mình đến chào ba má cậu **có được không ?**

a) Ngày mai mình gặp cậu.

→

→

b) Cậu cho tớ gửi mấy thư về Việt Nam.

→

→

c) Trưa nay ở lại trường, cậu đi ăn cơm với tớ.

→

→

d) Em tớ đi biển cùng chúng mình.

→

→

4. Dùng câu hỏi **được không** để hoàn thành các hội thoại sau.

a) –

– Không được. Nếu tớ làm bài giúp cậu, thầy giáo sẽ biết ngay.

b) –

– Được, tớ sẽ chuyển đơn xin nghỉ học của cậu tới thầy giáo.

c) –

– Không được. Chờ cậu nửa giờ thì đến trường muộn mất.

d) –

– Được. Tớ có hai bút.

5. Điền *à* hoặc *chứ* vào chỗ trống.

- a) – Anh không đội mũ ?
– Ừ, quên, em đưa cho anh cái mũ.
- b) – Cháu chào bác ạ !
– Ừ, cháu đã về đấy ?
- c) – Tối nay cháu ăn cơm ở nhà ?
– Không ạ. Hôm nay bạn cháu mời dự sinh nhật, cháu không ăn cơm nhà.
- d) – Cháu sẽ về sớm ?
– Vâng. Khoảng 9 giờ cháu về.

6. Đánh dấu ✓ vào ☐ trước câu dùng đúng từ *à* hoặc *chứ* (*chớ*).

a) Anh trai bảo em gái :

- ☐ – Máy giờ rồi mà em còn ngồi đấy ? Đi học bài đi *à* ?
☐ – Máy giờ rồi mà em còn ngồi đấy ? Đi học bài đi *chứ* ?

Em gái nói :

- ☐ – Anh mắng em đấy *chứ* ?
☐ – Anh mắng em đấy *à* ?

b) Cường thấy Đại ngáp ngủ. Cường hỏi :

- ☐ – Đêm qua cậu đi ngủ muộn lắm *chứ* ?
☐ – Đêm qua cậu đi ngủ muộn lắm *à* ?

c) Đại mời Cường ăn kem. Cường hỏi :

- ☐ – Cảm ơn cậu. Cậu cũng biết mình thích ăn kem *à* ?
☐ – Cảm ơn cậu. Cậu cũng biết mình thích ăn kem *chứ* ?

d) Cường và Đại đang ngồi chơi với nhau. Bỗng Cường bảo :

– Tớ có điện thoại.

Đại hỏi :

- ☐ – Má cậu gọi *chứ* ?
☐ – Má cậu gọi *à* ?
– Ừ.
☐ – Cậu ngồi thêm 5 phút nữa được *à* ?
☐ – Cậu ngồi thêm 5 phút nữa được *chứ* ?

7. Sắp xếp lại các câu trong hội thoại dưới đây cho đúng thứ tự.

- a) – Vâng, ở nhà bố mẹ cháu vẫn nói tiếng Việt với chúng cháu.
- b) – Vậy vì sao cháu còn đi học ở Trung tâm ?
- c) – Cháu nói tiếng Việt giỏi lắm. Ở nhà bố mẹ cháu có nói tiếng Việt với cháu không ?
- d) – Nghe ra-đi-ô cháu có hiểu được không ?
- e) – Cháu đi học ở Trung tâm vì cháu không biết viết.
- g) – Nghe ra-đi-ô cháu không hiểu được.
- h) – Vì họ nói nhanh quá và có nhiều từ cháu không biết.
- i) – Vì sao cháu không hiểu ?
- k) – Ở Trung tâm, cháu nghe thầy giáo đọc và nghe đĩa. Sau đó trả lời câu hỏi.
- l) – Ở Trung tâm, thầy giáo dạy nghe thế nào ?

8. Điền câu hỏi vào chỗ trống để hoàn thành hội thoại sau :

- A : – Chào anh. Tôi tên là Lan. (1).....?
- B : – Chào chị. Tôi tên là Bill. (2).....?
- A : – Vâng, tôi là người miền Nam. Nhưng (3).....?
- B : – Vì chị phát âm giống như cô giáo của tôi. Giọng miền Nam dễ thương lắm.
- A : – (4).....?
- B : – Tôi học ở Đại học Quốc gia.
- A : – Anh nói tiếng Việt tốt lắm. (5).....?
- B : – Tôi học được 7 tháng rồi.

9. Chữa lỗi chính tả.

- a) Lớn lên trấu định làm gì ?
(Từ cần chữa :)
- b) Ba má cháu muốn cháu làm bác sĩ, nhưng cháu thích nghệ thuật.
(Từ cần chữa :)
- c) Cháu thích ca nhạc, vẽ chanh, làm phim hay chụp ảnh ?
(Từ cần chữa :)
- d) Cháu thích âm nhạc.
(Từ cần chữa :)

e) Tráu biết trơi đàn gì ?

(Từ cần chữa :)

g) Cháu có thích làm ca sĩ không ?

(Từ cần chữa :)

h) Cháu rất thít, nhưng cháu không có dụng hát hay.

(Từ cần chữa :)

10. Đọc mẫu chuyện sau và trả lời câu hỏi ở dưới.

AI ĐÚNG HƠN ?



Bố hỏi các con :

– Có ba con chim đậu trên cành cây. Người đi săn bắn rơi một con. Hỏi còn lại mấy con trên cành ?

Cô chị trả lời :

– Bố hỏi dễ quá. Ba trừ một bằng hai. Còn hai con trên cành.

Cậu em bảo :

– Không phải.

Bố hỏi tại sao. Cậu bé đáp :

– Hai con chim ấy sẽ bay đi mất. Chẳng có con nào còn lại trên cành.

- a) Theo em, cô chị làm tính có đúng không ?
- b) Cậu em trả lời có đúng không ?
- c) Giữa hai chị em, ai đúng hơn ?

11. Em mới quen một bạn vừa ở trong nước sang, hãy kể lại buổi gặp gỡ đó.

Gợi ý :

- a) Em gặp bạn đó ở đâu ? (Tại nhà bác em.)
- b) Em gặp bạn đó bao giờ ? (Cuối tuần trước.)
- c) Bạn đó lớn hay nhỏ ? (Cao bằng em.)
- d) Bạn đó bao nhiêu tuổi ? (Bằng tuổi em – 11 tuổi.)
- e) Gia đình bạn hiện nay ở đâu ? (Gần nhà bác em.)
- g) Hai bạn có mến nhau không ? (Rất mến nhau.)
- h) Các em nói chuyện gì ? (Nói nhiều chuyện. Bạn giúp em học tiếng Việt. Em giúp bạn học tiếng nước ngoài.)
- i) Em và bạn có hẹn gặp lại nhau không ? (Cuối tuần tới, ở nhà bạn ấy.)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....



1. Nối từ ở cột A với nghĩa ở cột B.

A

a) chú

b) bác

c) cô

d) cậu

e) dì

B

1) anh trai của bố

2) anh trai của mẹ

3) chị gái của bố

4) chị gái của mẹ

5) em trai của bố

6) em trai của mẹ

7) em gái của bố

8) em gái của mẹ

2. Điền từ thích hợp vào chỗ trống.

a) Chồng của chị gái bố gọi là

b) Chồng của em gái bố gọi là

c) Chồng của chị gái mẹ gọi là

d) Chồng của em gái mẹ gọi là

3. Đánh dấu ✓ vào ☐ trước câu trả lời đúng :

a) Vợ của anh trai bố gọi là :

☐ bác

☐ cô

☐ mợ

c) Vợ của anh trai mẹ gọi là :

☐ dì

☐ cô

☐ bác

b) Vợ của em trai bố gọi là :

☐ cô

☐ mợ

☐ thím

d) Vợ của em trai mẹ gọi là :

☐ dì

☐ mợ

☐ thím



4. Điền từ thích hợp vào chỗ trống.

- a) Bác Mạnh là của ba Phương.
- b) Vợ của bác Mạnh là Huệ
- c) Các con của bác Mạnh là của Phương.
- d) Em trai của má Phương là Thuận.
- e) Vợ cậu Thuận là Thu.
- g) Các con của cậu Thuận là của Phương.

5. Đặt câu với những từ dưới đây theo mẫu.

M : giỏi, ngoan → Bạn Hằng **vừa** giỏi **vừa** ngoan.

- a) gầy, cao

.....

- b) xem ti vi, hát

.....

- c) đi làm, đi học

.....

- d) em họ, bạn cùng lớp

.....

6. Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành các câu dưới đây :

- a) Ba em vừa vừa
- b) Gia đình em vừa vừa
- c) Nơi em ở vừa vừa
- d) Món nem dì em làm vừa vừa

7. Dùng các từ **thường, hay, thỉnh thoảng** để trả lời câu hỏi.

a) – Em có hay gặp Lân không ?

– Có. Em gặp Lân vì chúng em cùng đi xe buýt đến trường.

b) – Em có đi xe máy đến trường không ?

– Em thường đi xe buýt. Nhưng ba em chở em đến trường bằng xe máy.

c) – Em thường ăn gì buổi sáng ?

– Em ăn bánh mì.

d) – Buổi tối, mấy giờ gia đình em ăn cơm ?

– Buổi tối, gia đình em ăn cơm lúc 7 giờ.

e) – Món ăn nào gia đình em hay ăn nhất ?

– Gia đình em ăn nhất hai món : rau muống và cá kho.

8. Chọn **thường** hoặc **hay** điền vào chỗ trống.

M: – Cậu **thường** nghe nhạc trước khi đi ngủ phải không ?

– Tớ **thường** nghe nhạc vào buổi chiều. Buổi tối, tớ phải học bài.

a) – Cậu có (1) đến trường sớm không ?

– Buổi sáng, tớ dậy sớm nên (2) đến trường sớm 10 phút.

b) Ông tớ (1) mất ngủ ban đêm nên ban ngày ông rất (2) ngủ gật.

c) Thầy giáo tớ rất hiền. Khi học sinh có lỗi, thầy không phạt học sinh mà khuyên bảo học sinh nhẹ nhàng.

d) Mùa rét tớ không (1) đội mũ nhưng (2) đi tất suốt ngày.

9. Sắp xếp những từ sau thành câu đúng.

a) anh David / ở hiệu phở / ăn sáng / thường.

.....

b) cô Lan / xe ô tô / lái / không biết.

.....

c) bà Hoa / 70 tuổi / năm nay.

.....

d) anh Bình / 7 giờ sáng / lúc / đi làm.

.....

e) giá / 6000 đồng / nước dừa / một cốc.

.....

g) cà phê / ông Hải / thích / không / uống.

.....

h) có thể / nấu / món ăn Hàn Quốc / mẹ tôi.

.....

i) hôm nay / thể dục / tiết / không có / lớp tôi.

.....

k) bố tôi / bia / thích / uống / bánh mì / ăn / và.

.....

l) chủ nhật tuần trước / đi bơi / tôi / khách sạn Daewoo / ở.

.....

10. Đọc những câu sau, sửa lỗi chính tả :

a) Trú Dương là em trai của bố tôi.

(Từ cần sửa :)

b) Trị Hồng con bác Mạnh học cùng lớp với tôi.

(Từ cần sửa :)

c) Trúng tôi thường dúp đỡ nhau học tập.

(Từ cần sửa :)

d) Có truyện gì chúng tôi thường nói cho nhau biểc.

(Từ cần sửa :)

e) Bố tôi trồng một cây hoa lang trước nhà.

(Từ cần sửa :)

11. Kể về họ hàng của em. Gợi ý :

a) Bố em có mấy anh chị em ruột ? Đó là những ai ?

b) Các bác hoặc cô, chú ấy có mấy con ? Các con đã lớn chưa ?

c) Mẹ em có mấy anh chị em ruột ? Đó là những ai ?

d) Các bác hoặc cậu, dì ấy có mấy con ? Các con đã lớn chưa ?

e) Họ hàng em thường gặp nhau vào những dịp nào ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....



1. Nhìn tranh, hoàn thành câu.

- a) Hôm nay là thứ ngày tháng
- b) Ngày mai là ngày tháng
- c) Tháng trước là tháng
- d) Năm nay là năm
- e) Năm sau là năm
- g) Sinh nhật tôi là ngày tháng
- h) Năm nay tôi tuổi.
- i) Sinh nhật mẹ tôi là ngày tháng
- k) Năm sau mẹ tôi sẽ tuổi.



2. Trả lời câu hỏi :

- a) Một năm có bao nhiêu tháng ?
.....
- b) Một năm có bao nhiêu ngày ?
.....
- c) Tháng Hai có bao nhiêu ngày ?
.....
- d) Một ngày có bao nhiêu giờ ?
.....
- e) Một đêm em thường ngủ mấy tiếng ?
.....

3. Hoàn thành câu.

- a) Tháng này là tháng 6, là tháng 5.
- b) Hôm nay là thứ bảy, là thứ hai.
- c) Năm nay là năm 2006, là 2004.
- d) Hai tháng trước là tháng 7, là tháng 11.
- e) Hôm qua là thứ tư, là thứ ba.



4. Xem tranh và viết dự báo thời tiết cho mỗi vùng.

– Thành phố Hà Nội :

.....

.....

– Thành phố Huế :

.....

.....

– Thành phố Hồ Chí Minh :

.....

.....



5. Hôm nay thời tiết ở nơi em ở như thế nào ?

.....

.....

.....

6. Hoàn thành các đối thoại sau :

a) – Bạn đã đi châu Phi bao giờ chưa ?

– Chưa.

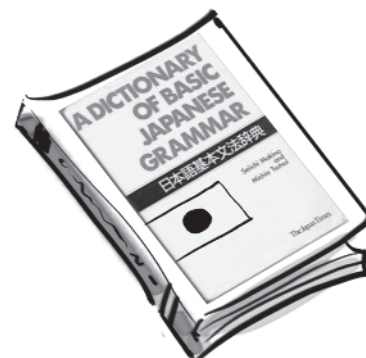
.....



b) –

.....?

– Rồi. Anh Minh đã từng học tiếng Nhật rồi.



c) – Trước đây,

.....?

– Chưa. Đây là lần đầu tiên em nhìn thấy hươu cao cổ.



d) –

.....?

– Rồi. Ông tớ đã từng lái máy bay rồi.



7. Điền *trước khi* hay *sau khi* ?

- a) thức dậy, em đánh răng rửa mặt.
- b) ăn cơm, chị gái em rửa bát đĩa.
- c) Tối qua bố em về muộn, mẹ và em đã ăn cơm xong.
- d) con ngủ, mẹ đọc truyện cho con nghe.
- e) đi ngủ, bố tắt đèn trong bếp.
- g) giặt quần áo, mẹ đi ngủ.
- h) trời mưa to, trên trời có cầu vồng.

8. Điền *đi* hay *với* ?

- a) Chị đang ăn gì đấy ? Cho em ăn!
- b) Trời sắp mưa to rồi. Cháu về nhà!
- c) Con ăn! Mẹ nấu món này cho con đấy !
- d) Bố ơi, bố đang xem phim à ? Cho con xem!
- e) Trời nắng to, tại sao con không đội mũ ? Đội mũ!
- g) Phim này chán quá. Tắt ti vi!
- h) Tớ quên sách Tiếng Việt ở nhà rồi. Cậu cho tớ xem chung sách!

9. Điền từ thích hợp trong ngoặc đơn vào chỗ trống.

(chạy, khoẻ, sau, khám, sau đó, thứ hai)



Một thanh niên đến bác sĩ để khám bệnh. Bác sĩ nói với anh :

– Hằng ngày anh nên tập chạy. Ngày đầu tiên anh chỉ cần chạy 1km. Ngày (1).....
.....2km, ngày thứ ba 3km, ngày thứ tư 4km, ngày thứ năm 5km. (2)đó,
mỗi ngày chạy 5km. Sau ba tuần, anh nhớ gọi điện, cho tôi biết sức khoẻ của anh
thế nào nhé.

Ba tuần (3)....., người thanh niên gọi điện cho bác sĩ và nói :

– Tôi thấy (4).....hơn rất nhiều rồi.

Bác sĩ nói :

– Tốt lắm. Chiều nay, anh đến phòng khám để tôi (5).....lại cho anh nhé.

– Chiều nay tôi không đến được ! Tôi đã (6).....suốt ba tuần và bây giờ tôi chạy
cách thành phố 100km rồi !

10. Dựa vào bài tập 9, trả lời câu hỏi :

a) Người thanh niên đến bác sĩ để làm gì ?

.....

b) Bác sĩ khuyên anh ấy làm gì ?

.....

c) Theo lời bác sĩ, ngày đầu tiên anh ấy chạy mấy ki-lô-mét ?

.....

d) Ngày thứ năm anh ấy chạy mấy ki-lô-mét ?

.....

e) Anh ấy đã chạy trong bao lâu ?

.....

g) Vì sao anh ấy không thể đến bác sĩ vào buổi chiều ?

.....

11. Điền các từ dưới đây vào chỗ trống thích hợp.

sau đó, ngọt, xanh, từ, hoa, bắt đầu, cam, mọi người, khi đó



Tất cả (1).....đều thích ăn cam. Cam có nhiều múi, (2)....., và nhiều nước. Cây (3).....rất đẹp : lá màu (4)....., (5)..... .nhỏ, màu trắng, rất thơm. Cây cam đã có từ hai mươi triệu năm trước. (6)..... cây cam rất nhỏ, không giống cây cam hiện nay. Người ta cho rằng cây cam có nguồn gốc (7).....Trung Quốc. Người Trung Quốc (8).....trồng cam khoảng năm 2400 trước Công nguyên. Nông dân ở châu Á và Trung Đông học kĩ thuật trồng cam từ Trung Quốc, (9).....họ dạy cho người châu Âu.

12. Đọc và trả lời câu hỏi ở dưới.

ĐĂNG TRÍ

Một nhà bác học đang làm việc trong phòng. Bỗng người phục vụ bước vào, nói nhỏ với ông :

– Thưa giáo sư, có trộm lên vào thư viện của ngài.

Nhà bác học hỏi :

– Nó đọc gì thế ?

a) Nhà bác học đang làm gì ?

.....

b) Người phục vụ nói gì với ông ?

.....

c) Nhà bác học hỏi thế nào ?

.....

d) Câu hỏi ấy có buồn cười không ? Vì sao ?

.....

e) Theo em, vì sao nhà bác học đăng trí như vậy ?

.....

BÀI 4



Trường học



1. Đây là ai ? Đây là cái gì ?

a)



b)



c)



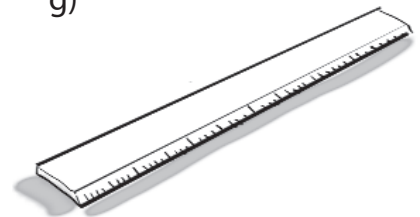
d)



e)



g)



h)



i)



k)

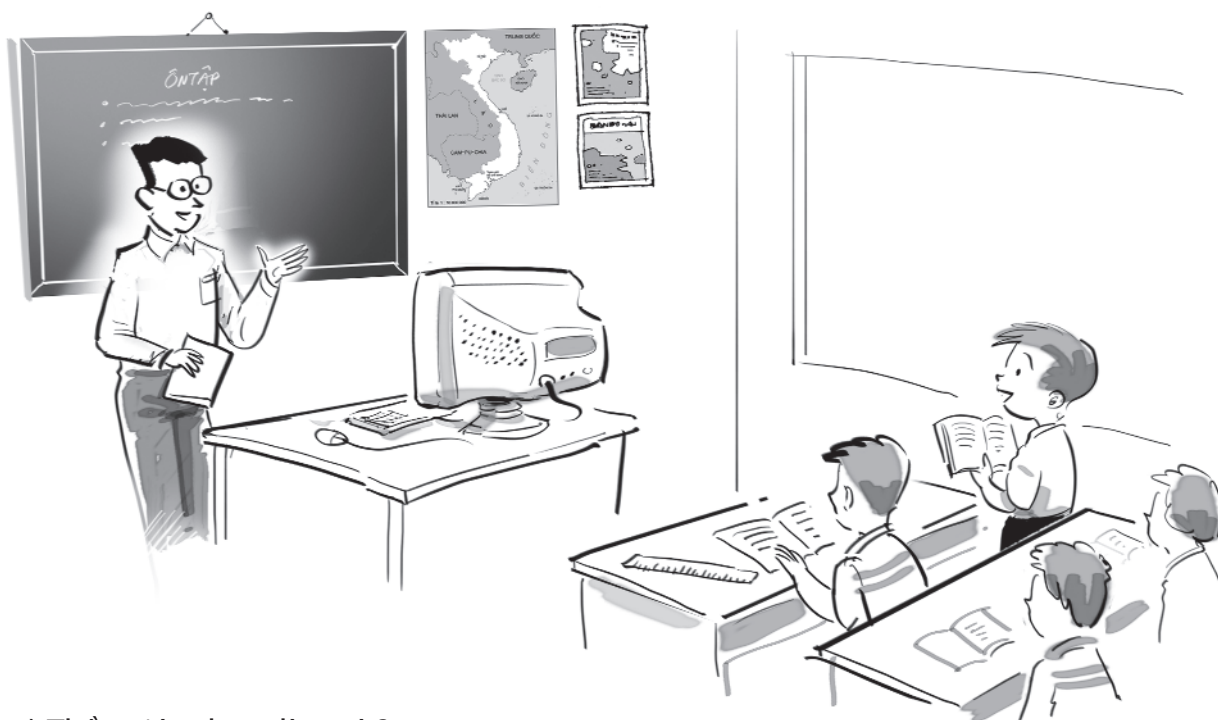


l)





2. Xem tranh, trả lời câu hỏi.



a) Thầy giáo đang làm gì ?

.....

b) Học sinh đang làm gì ?

.....

c) Bảng đen ở đâu ?

.....

d) Máy tính ở đâu ?

.....

e) Thước kẻ ở đâu ?

.....

g) Bản đồ ở đâu ?

.....

h) Vở ở đâu ?

.....

3. Xem tranh và cho biết :

a) Ai đang học mẫu giáo ?

.....

b) Ai đang học tiểu học ?

.....

c) Ai đang học trung học ?

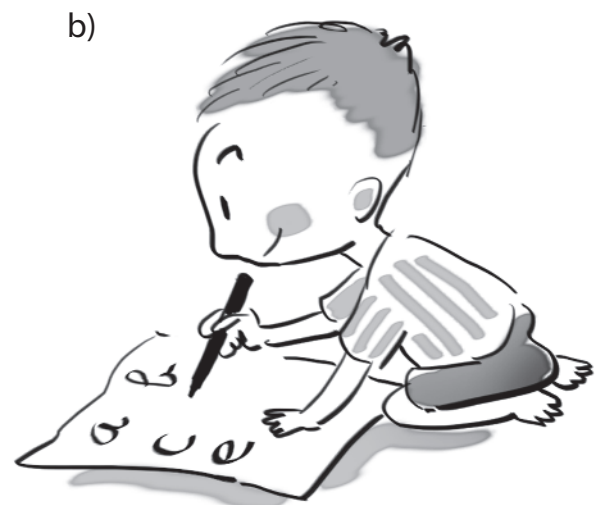
.....

d) Ai đang học đại học ?

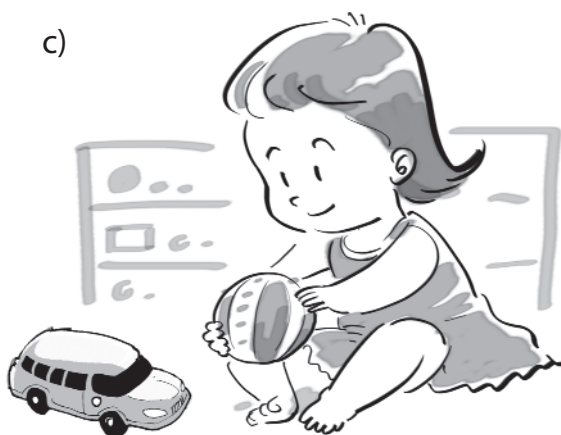
.....



Lân 20 tuổi



Bi 6 tuổi



Bông 2 tuổi



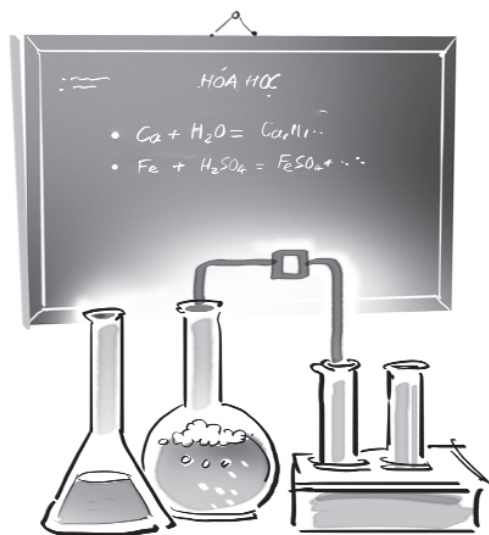
Huyền 16 tuổi

4. Điền tên môn học vào dưới tranh.

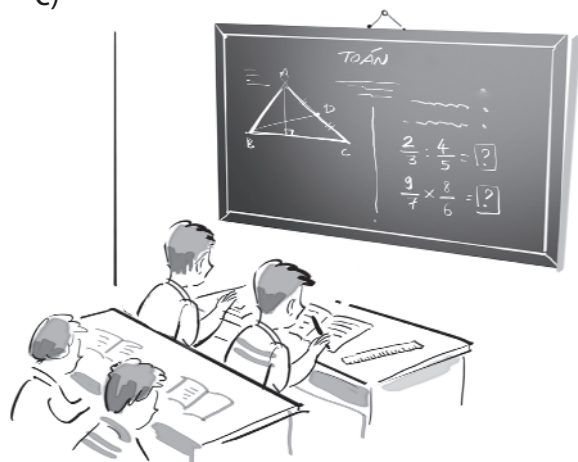
a)



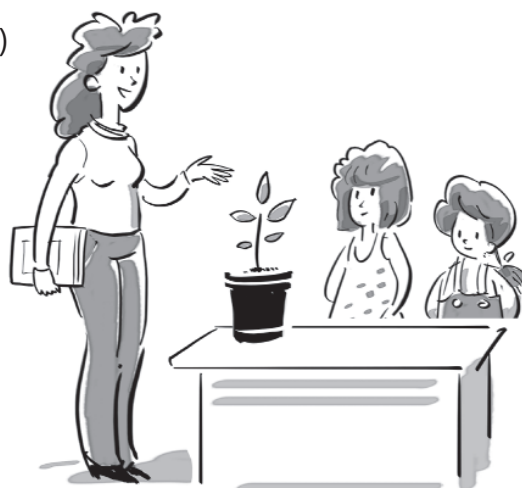
b)



c)



d)



e)



g)



Trả lời câu hỏi :

Trong các môn học trên

– Em thích môn học nào nhất ? Vì sao ?

.....

– Em không thích môn học nào ? Vì sao ?

.....

– Em học giỏi môn nào ?

.....

5. Viết câu :

M : a) Tôi mượn sách của bạn. Bạn mượn sách của tôi.

→ Chúng tôi mượn sách của nhau.

b) Ông chào bà. Bà chào ông.

→

c) Chị giúp em lau nhà. Em giúp chị rửa bát.

→

d) Lam và Linh cùng đi xem phim.

→

e) Anh trai và em trai cùng đá bóng.

→

g) Bố cao 1m70. Con cũng cao 1m70.

→

h) Lan 10 tuổi. Hoa 10 tuổi.

→

6. Viết 5 câu theo mẫu **Trong khi A ... thì B ...**

M : Trong khi chị rửa bát thì em giặt quần áo.

a)

b)

c)

d)

e)

7. Điền các cặp từ ngữ **trong khi A... thì B...** hoặc **khi thì A..., khi thì B...** vào chỗ trống thích hợp.

- a) anh đọc sách em chơi điện tử.
- b) trời mưa, trời nắng.
- c) Thầy giáo giảng bài mới, kiểm tra bài cũ.
- d) cô giáo giảng bài một số học sinh nói chuyện ồn ào.
- e) Minh đi học muộn, quên bút ở nhà.
- g) Mẹ nấu canh cá, nấu canh cua.
- h) mọi người đang ngủ Lân chat với bạn qua Internet.

8. Điền các từ **ngạc nhiên, câu hỏi, đã, im lặng, đứng lên, nửa** vào chỗ trống thích hợp.

LÀM TÍNH CỘNG

Trong giờ học, thầy giáo giảng về phép tính cộng. Sau đó thầy đặt (1).....:

– 5 cộng 1 bằng bao nhiêu ?

Cả lớp (2)..... Thầy giáo hỏi tiếp :

– Ví dụ, tôi cho các em 5 con chim bồ câu, sau đó cho các em thêm 1 con (3)....., các em sẽ có bao nhiêu chim bồ câu ?

Một học sinh (4)..... trả lời :

– Thưa thầy 7 con ạ !

Thầy giáo (5).....:

– Tại sao 7 con ?

– Thưa thầy, ở nhà em (6)..... có 1 con bồ câu rồi ạ !

9. Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong đoạn văn sau :

Hôm nay, 10 tháng Giêng, là ngày sinh nhật của Hạnh. Năm nay, Hạnh 17 (1)..... Hạnh đã (2)..... các bạn đến nhà dự sinh nhật. Vài phút (3)....., các bạn sẽ đến. Họ sẽ (4)..... đến nhiều (5)..... và nhiều quà. Mẹ Hạnh đã (6)..... nhiều món ăn ngon. Các bạn trẻ sẽ nói (7)..... vui vẻ, (8)..... karaoke và nghe (9).....

Họ sẽ có một buổi tối (10).....

10. Đọc bài văn sau và thực hiện yêu cầu ở dưới.

BÀI VĂN VỀ BỐ

Một cậu bé đi học về và nói với bố :

- Con đã viết về bố trong bài văn của con, bố ạ.
- Ồ thế à ? Đề của bài văn đó là gì ?
- Dạ, đề của bài văn đó là : “Em hãy viết về người anh hùng của em”.
- Con đã viết gì về bố ?
- Con viết rằng : Bố là anh hùng của con. Bố rất khoẻ mạnh, đẹp trai, thông minh, lịch sự... Phụ nữ rất thích bố !
- Bố hạnh phúc quá ! Bố không nghĩ là bố tuyệt vời như thế...
- À, sự thật là con không viết được tên của diễn viên điện ảnh Mỹ Arnold Schaerwzeniger, à, không phải... Schiaerzeggaer ... Con sợ thầy giáo cho điểm kém vì viết sai chính tả, nên con viết về bố !

a) Kiểm tra thông tin : đúng hay sai ?

ĐÚNG SAI

(1) Cậu bé đã làm một bài văn ở lớp.

☐ ☐

(2) Cậu bé đã viết về bố của cậu ấy.

☐ ☐

(3) Bố cậu bé là diễn viên điện ảnh.

☐ ☐

(4) Cậu bé cho rằng bố cậu là một anh hùng.

☐ ☐

(5) Thầy giáo cho cậu bé điểm kém vì cậu viết sai chính tả.

☐ ☐

b) Trả lời câu hỏi :

– Đề của bài văn là gì ?

.....

– Vì sao bố cậu bé vui ?

.....

– Cậu bé viết gì về bố trong bài văn ?

.....

– Sự thật là cậu bé muốn viết về ai ?

.....

– Vì sao cậu bé không viết về người ấy ?

.....

11. Chọn từ ngữ thích hợp điền vào ô chữ hàng ngang để tạo thành từ in đậm ở cột dọc.

Từ cho sẵn :

– tuần sau

– trời mưa

– nắng

– gió

– thời tiết

– tháng hai

– hôm nay

– ngày kia

a)			T						
b)		M :	T	H	Á	N	G	H	A
c)			Ờ						
d)			I						
e)			G						
g)			I						
h)				A					
i)			N						



1. Nối từ ở cột A với từ thích hợp ở cột B.

A

a) dịch

b) giặt

c) gọi

d) khoá

e) lau

g) mua

h) nấu

i) quét

k) rửa

l) sửa

m) trồng

n) xách

B

bánh mì

bát đĩa

cây

cơm

cửa

nhà

nước

quần áo

sách

tắc xi

va li

xe đạp

2. Xếp các từ sau đây thành những cặp từ trái nghĩa : đóng (cửa), mở (mắt), tắt (đèn), nhắm (mắt), bật (đèn), đi (giày), mở (cửa), cởi (giày).

.....

.....

.....

.....



3. Nối các từ trái nghĩa.

a) cao

b) dưới

c) đẹp

d) tốt

e) trong

g) xa

h) yêu

i) ngọt

gần

ghét

nhạt

ngoài

thấp

trên

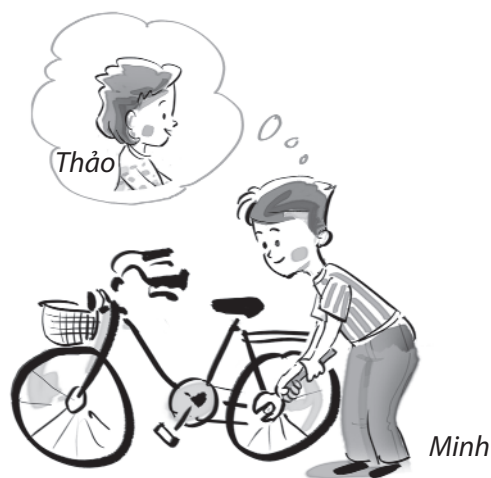
xấu

đắng

4. Xem tranh và viết : Ai làm gì giúp ai ?



M : Thảo nấu cơm giúp mẹ.



a)

.....

b)



c)



d)



5. Dựa vào bài tập 2, đặt câu theo mẫu *Nhờ... giúp...*

M : Mẹ nói với Thảo : “Nhờ con nấu cơm giúp mẹ”.

a) Thảo nói với Minh :

b) Cụ già nói với Minh :

c) Bà nội nói với Thảo :

d) Thảo nói với Minh :

6. Dựa vào bài tập 2, đặt câu theo mẫu *Để... giúp...*

M : Thảo nói với mẹ : “Để con nấu cơm giúp mẹ.”

a) Minh nói với Thảo :

b) Minh nói với cụ già :

- c) Thảo nói với bà nội :
- d) Minh nói với Thảo :

7. Viết câu theo mẫu *Nhờ... giúp...* hoặc *Để... giúp...* , điền vào chỗ trống thích hợp :

- a) Tuấn : – Mình bị ốm không đi học được. (1).....
-

Tú : – Được, để mình xin phép thầy giáo giúp cậu.

- b) Tuấn : – Mình muốn mua quyển từ điển tiếng Việt nhưng không biết mua ở đâu.
(2)

Tú : – Rất tiếc, mình không thể mua giúp cậu vì mình cũng không biết mua ở đâu.

- c) Tuấn : – Cậu chưa mua sữa à ? Mình đi siêu thị bây giờ. (3).....
-

Tú : – Cảm ơn cậu nhiều. Mình gửi cậu tiền.

- d) Hà : – Tuấn ơi, cái túi này nặng quá. (4).....

Tuấn : – Được, để tớ xách giúp cậu.

8. Điền từ ngữ thích hợp ở cột B vào chỗ trống ở cột A.

A	B
a) Nhà của Liên ở bên cạnh nhà của Chung. Mẹ của Liên là bác của Chung. Như vậy Liên và Chung với nhau.	<i>đồng phục</i>
b) Những người thuộc cùng một dân tộc gọi là	<i>đồng ruộng</i>
c) Kinh tế nên nhiều người đi du lịch nước ngoài.	<i>đồng bào</i>
d) Khi em không hiểu từ mới, cô giáo sẽ cho em.	<i>phát triển</i>
e) Ở trường học, vào sáng thứ hai, tất cả học sinh mặc	<i>quan tâm</i>
g) Người nông dân làm việc trên	<i>giải thích</i>
h) Bố mẹ rất yêu con và luôn luôn đến con.	<i>có họ</i>

9. Đặt câu với cụm từ **cũng vậy (cũng thế)** theo mẫu.

M : Vịt nhảy xuống hồ bơi, Gà Tồ **cũng vậy (cũng thế)**.

- a)
- b)
- c)
- d)

10. Điền các từ dưới đây vào chỗ trống thích hợp.

thờ cúng, chuồng, cây ăn quả, giếng, hướng

NHÀ Ở NÔNG THÔN VIỆT NAM

Ở nông thôn, người ta làm nhà có cửa chính quay về (1)..... nam hoặc hướng đông nam để nhà mát mẻ về mùa hè và đỡ lạnh về mùa đông. Trong nhà, chỗ trang trọng nhất dành làm nơi (2)..... tổ tiên. Phòng khách thường ở gian giữa. Phòng ngủ ở các gian bên, là những chỗ kín đáo. Trước nhà là một cái sân rộng, xung quanh là vườn. Trước sân thường trồng hoa, vườn trồng các loại (3)..... như chuối, mít, ổi. Nhiều nhà có (4)..... nước.

Người nông dân đun nấu bằng rơm rạ và củi nên nhà bếp làm tách khỏi nhà ở. Nhà bếp cũng có thể là phòng ăn. Gần nhà bếp là (5)..... gà, (6)..... lợn.

11. Đọc và trả lời câu hỏi ở dưới.

CÁC DÂN TỘC Ở VIỆT NAM



Theo số liệu thống kê năm 2000, Việt Nam có 54 dân tộc. Dân tộc đông nhất là dân tộc Kinh (Việt), chiếm 87% dân số. Các dân tộc thiểu số đông dân nhất là Tày (1 190 000), Thái (1 040 000), Mường (914 000), Hoa (900 000), Khmer (895 000), Nùng (706 000), Hmông (558 000), Dao (474 000), Gia-rai (242 000), Ê-đê (195 000). Những dân tộc còn lại có dân số dưới 100 000 người, một nửa trong số đó có dân số dưới 10 000 người. Các dân tộc Brâu, Ô-đù và Rơ Măm chỉ có khoảng vài trăm người.

Theo WIKIPEDIA

Câu hỏi :

a) Nước Việt Nam hiện nay có bao nhiêu dân tộc ?

.....

b) Dân tộc đông dân nhất là dân tộc nào ?

.....

c) Những dân tộc thiểu số nào có đông dân ?

.....

d) Bao nhiêu dân tộc thiểu số có dân số trên 100 000 người ?

.....

e) Những dân tộc nào ít dân nhất ?

.....

BÀI 6



Giao thông - Liên lạc

1. Đây là cái gì ?

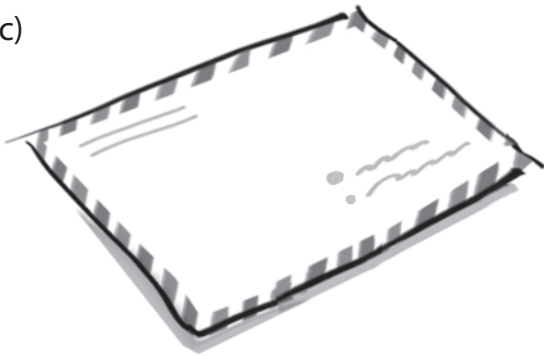
a)



b)



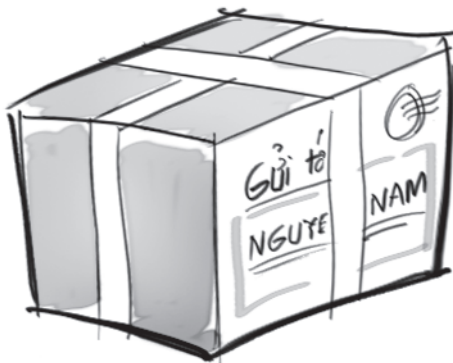
c)



d)



e)



g)





2. Sắp xếp lại các tranh cho đúng thứ tự.
Cho biết ở mỗi tranh ai đang làm gì.



a)

.....

.....



b)

.....

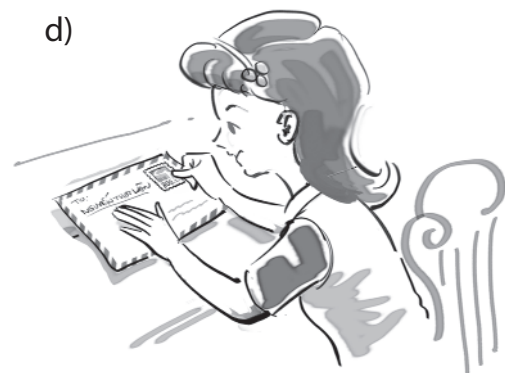
.....



c)

.....

.....



d)

.....

.....



e)

.....

.....

g)



h)



3. Nối từ tiếng Anh ở cột A với từ tiếng Việt tương ứng ở cột B.

A

a) internet

b) email

c) @

d) homepage

e) cellphone

g) computer

h) online

B

điện thoại di động

a còng

trực tuyến

mạng

máy tính

thư điện tử

trang chủ

4. Thay thế tranh bằng từ.

Ở các thành phố lớn của Việt Nam, rất nhiều người đi làm bằng(1) .

Một số người đi bằng(2) . Những người khác đi bằng

.....(3)  hoặc(4)  . Học sinh tiểu học đi bằng

.....(5)  cùng với bố mẹ, hoặc(6)  . Học sinh lớn hơn

đi học bằng(7)  hoặc(8) . Khi đi từ tỉnh này sang tỉnh khác, từ thành phố này sang thành phố khác, người ta đi bằng

.....(9) ,(10) ,(11) 

hoặc(12)  . Khi đi ra các đảo trên biển, người ta thường đi bằng

.....(13)  .

5. Viết một đoạn văn tương tự bài tập 4 nói về các phương tiện giao thông nơi em ở.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

6. Điền từ thích hợp vào chỗ trống.



Mùa hè này, (1) đầu tiên trong đời tôi (2) du lịch (3)
máy bay. Trước đó, tôi (4) đi bằng tàu hỏa (5) xe buýt. Đi tàu hỏa, xe
buýt thì vừa rẻ hơn (6) an toàn hơn. Nhưng đi máy bay thì (7) ít thời
gian hơn. Lúc đầu, khi mới lên máy bay, tôi hơi (8) Nhưng khi máy bay bay cao
(9) trời, giữa những đám mây, thì tôi rất (10) Từ máy bay, có thể (11).
..... thấy núi, sông, đồng ruộng rất đẹp (12) lạ. Bây giờ thì tôi không (13).
..... đi máy bay nữa. Nếu có nhiều tiền (14) đi máy bay tốt (15)
đi tàu hỏa và xe buýt nhiều.

7. Điền các câu đánh số (1), (2), (3),... vào đúng tình huống có kí hiệu a, b, c,...

M : a) Khi em trả lời điện thoại :

(5) – A lô, tôi là ... nghe đây ạ.

b) Khi em muốn hỏi 1080 về thời tiết ngày hôm nay :

.....

c) Khi em gọi điện đến nhà bạn và gặp bố bạn ấy. Em nói em muốn gặp bạn em :

.....

d) Khi một chị gọi nhầm số điện thoại đến nhà em :

.....

e) Khi em gọi nhầm số điện thoại đến nhà người lạ :

.....

g) Khi một bác gọi điện thoại đến nhà em, muốn gặp mẹ em, nhưng mẹ em đi vắng :

.....

h) Khi em nói chuyện với bạn qua điện thoại nhưng em không nghe rõ, và em muốn bạn nói lại một lần nữa :

.....

(1) *Chị cho em hỏi thời tiết hôm nay thế nào ạ.*

(2) *Mẹ cháu đi vắng rồi ạ (hoặc : Mẹ cháu không có nhà ạ.). Bác có nhắn gì không ạ ?*

(3) *Xin lỗi, chị nhầm số rồi ạ.*

(4) *Mình không nghe rõ. Cậu nói lại một lần nữa được không ?*

(5) *A lô, tôi là ... nghe đây ạ.*

(6) *Xin lỗi, em nhầm số ạ.*

(7) *Cháu chào bác. Cháu là Bác làm ơn cho cháu gặp bạn ... ạ.*

8. Sắp xếp lại các từ cho sẵn dưới đây để tạo thành câu đúng :

a) và / tủ lạnh / trứng / trong / có / nước ngọt.

.....

b) thứ hai / 8 giờ / anh Bình / đến / tiếng Anh / từ / học / 11 giờ.

.....

c) thường / thức dậy / ông Sơn / lúc / 6 giờ.

.....

d) một / giá / quả trứng / tiền / bao nhiêu ?

.....

e) chị / hỏi / một chút / tôi / cho.

.....

g) mất / đi học / tôi / bằng / xe đạp / 15 phút.

.....

h) ở giữa / và / thư viện / nhà hàng / hiệu sách.

.....

i) thì / nhiều / tôi / khi / du lịch / có / thời gian / đi / tôi.

.....

k) ông Lâm / bố / chị / của / là / phải không ?

.....

l) mua / đi / chị Lan / để / siêu thị / quần áo.

.....

9. Chọn từ đúng trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống trong các câu sau :

a) Ngày mai bạn tôi sẽ (đi / đến) Hà Nội. Tôi sẽ ra sân bay tiễn bạn.

b) Ngày mai bạn tôi sẽ (đi / đến) Hà Nội. Tôi sẽ ra sân bay đón bạn.

c) (Bao nhiêu / mấy) tiền một kg táo ?

d) (Bao nhiêu / mấy) đồng một ki-lô-gam táo ?

e) Chị thích xem (gì / nào) ?

g) Chị thích xem phim ở rạp (gì / nào) ?

- h) Em muốn mua quyển sách (gì / nào) ?
- i) Em muốn mua sách (gì / nào) ?
- k) (Trong khi / sau khi) tôi đang ăn cơm thì anh tôi đi học.
- l) (Trong khi / sau khi) tôi ăn cơm xong thì anh tôi đi học.

10. Điền từ thích hợp vào chỗ trống.

- a) Nam thường quan tâm vấn đề giao thông nông thôn.
- b) Thầy giáo đã ra nhiều bài tập ở nhà học sinh.
- c) Chúng em là bạn tốt nhau. Chúng em luôn giúp đỡ nhau.
- d) Anh mua quyển sách này đây ?
- e) Em hãy giải thích bạn ấy hiểu nội dung câu chuyện.
- g) Con mang mẹ cốc nước. Mẹ khát quá !

11. Hoàn thành hội thoại sau :

- A : – Tuần sau chị có rỗi không ?
- B : – Có. (1).....?
- A : – Chị (2)..... đi Cát Bà với chúng em không ?
- B : – Có. (3).....?
- A : – Chúng ta sẽ đi bằng ô tô.
- B : – Cát Bà (4) xa (5)?
- A : – Khoảng hơn 100km. Chị có say xe không ?
- B : – Không. Nhưng chị sợ mệt. (6).....?
- A : – Khoảng 3 ngày.
- B : – (7).....?
- A : – Chưa, em chưa đi lần nào. Còn chị ?
- B : – Chị cũng thế. (8).....?
- A : – 5 giờ sáng mai. Chị cố gắng dậy sớm nhé.

12. Đọc và trả lời câu hỏi ở dưới.

ĐI XUYỀN VIỆT BẰNG XÍCH LÔ



Tháng 9 năm 2005, anh Marty Sharples và anh Adam Hurley, người Úc, đã đi xuyên Việt Nam bằng xích lô. Họ đi để kêu gọi mọi người ủng hộ tiền cho trường KOTO ở số 72 phố Thụy Khuê, Hà Nội. Đây là trường học của các trẻ em nghèo, không có gia đình.

Họ đã đi 1700km mất 29 ngày, chụp 313 bức ảnh về Việt Nam, ăn nhiều món ăn mới và gặp nhiều người Việt Nam.

Hai anh hi vọng trường KOTO có thể nhận được hơn 30 000 đô la để giúp trẻ em nghèo.

Theo WWW.STREETVOICES.COM.AU

a) Anh Marty Sharples và anh Adam Hurley đi xuyên Việt bằng gì ?

.....

b) Họ đi xuyên Việt để làm gì ?

.....

c) Trường KOTO là trường học như thế nào ?

.....

d) Hai anh đã đi bao xa ? Mất bao lâu ?

.....

e) Họ đã chụp bao nhiêu bức ảnh ?

.....

g) Họ hi vọng gì ?

.....



1. Điền từ ngữ ở cột B vào chỗ trống thích hợp ở cột A.

A	B
a) – Tôi (1) mua một cuốn sách học tiếng Việt. – Chị mua sách cho người lớn hay trẻ em ạ ? – Cho con trai tôi. Năm nay cháu học lớp 6. – (2) chị tìm ở dãy bên trái của (3) – Cảm ơn. b) – (1) chiếc cặp này hả anh ? – 50 000 đồng. – (2) ! 20 000 (3) ? – Không được đâu chị ạ. Cửa hàng chúng tôi không bán (4)..... – Thế anh lấy cho tôi hai chiếc. Nhớ chọn cho tôi hai màu khác nhau ấy nhé. – Vâng. Hai chiếc cặp khác màu của chị đây. – Gửi anh (5) – Cảm ơn chị. Lần sau chị lại đến cửa hàng tôi (6).....	được không cửa hàng muốn mời đặt thế nhé bao nhiêu tiền mặc cả 100 000 đồng

2. Các đồ vật sau có thể được làm bằng những vật liệu nào ? Đánh dấu ✓ vào ô thích hợp.

	Gỗ	Mây	Thủy tinh	Giấy	Nhựa	Vải	Lụa
Ấm chén							
Bàn ghế							
Giường							
Túi xách							
Khăn quàng							



3. Đóng vai người bán và người mua, hỏi và nói giá tiền các vật trong mỗi bức tranh dưới đây :

a)



Giá : 20 000 đ

b)



Giá : 70 000 đ

c)



Giá : 30 000 đ

d)



Giá : 55 000 đ

M : a) – Bao nhiêu tiền một đĩa nhạc CD hả chị ?

– 20 000 đồng.

b) –

–

c) –

–

d) –

–

4. Đánh dấu ✓ vào ô thích hợp.

	Câu mặc cả	Câu đáp lại lời mặc cả
a) Đắt quá ! 20 000 được không ?		
b) Thôi được. Tôi bán mở hàng vậy.		
c) Không được đâu. Ở đây không bán mặc cả đâu.		
d) Sao đắt thế ? 5000 thôi.		
e) Không đắt đâu. Đúng giá đấy.		

5. Nối từ ngữ ở cột A với nghĩa thích hợp ở cột B.

A

a) người mở hàng
b) nói thách
c) mặc cả

B

1) Trả giá thấp hơn giá người bán đưa ra.
2) Đưa ra giá cao hơn giá của món hàng.
3) Khách mua hàng đầu tiên trong ngày.

6. Đặt câu để :

a) Khuyến bạn nên mặc cả khi đi mua hàng ở chợ.

→

b) Khuyến bạn mua một chiếc xe đạp để đi lại.

→

c) Khuyến chị không chọn loại vải pha ni lông để may áo.

→

d) Khuyến anh đừng thức khuya.

→

e) Khuyến em đừng đi học muộn.

→

**7. Điền từ thích hợp vào chỗ trống ở cột B để tạo thành cụm từ theo mẫu *từ A đến B*.
Đặt câu với cụm từ tìm được.**

từ	A	đến (tới)	B	
	miền xuôi			Đặt câu :
	Bắc			Đặt câu :
	sáng			Đặt câu :
	đầu năm			Đặt câu :
	xưa			Đặt câu :

8. Đề nghị người bán cho xem hàng hoặc bán hàng trong các tình huống sau :

a) Bạn đang ở trong hiệu phở, muốn gọi một bát (tô) phở bò.

→

b) Bạn đang ở trong cửa hàng đồ chơi, muốn mua một đồ chơi mới.

→

c) Bạn đang ở trong hiệu sách, muốn mua một cuốn truyện cổ tích.

→

d) Bạn đang ở trong cửa hàng mũ, muốn mua một chiếc mũ len.

→

e) Bạn đang ở trong nhà hàng bán đồ giải khát, muốn gọi một li nước cam.

→

9. Tính kết quả và đọc các con số tìm được :

a) Một cân cam giá 30 000 đồng. Vậy 3 cân cam giá bao nhiêu ?

→

b) Mẹ Mai mua năm cân gạo hết 60 000 đồng. Hỏi mỗi cân gạo giá bao nhiêu tiền ?

→

c) Một chục trứng giá 25 000 đồng. Mua 5 quả trứng phải trả bao nhiêu ?

→

d) Một hộp bút chì màu có giá 50 000 đồng. Hỏi 2 hộp bút chì màu có giá bao nhiêu ?

→

10. Điền các từ dưới đây vào chỗ trống thích hợp :

có, mua, nằm, mở cửa, đóng cửa, thích, bán

Siêu thị Big C (1).....ở ngoại ô thành phố. Siêu thị này (2).....hai tầng và (3).....rất nhiều hàng hoá tốt. Khách đến siêu thị này có thể (4).....được nhiều hàng hoá trong nước và ngoài nước : đồng hồ, quần áo, văn phòng phẩm, đồ thủ công... Nhiều người (5).....đến siêu thị này vì giá cả hợp lí.

Hằng ngày, siêu thị (6).....từ 9 giờ sáng đến 10 giờ tối. Ngày lễ, siêu thị cũng không (7).....

11. Viết đoạn văn (từ 7 đến 10 câu) nói về một cửa hàng mà em biết (ví dụ : cửa hàng bán đồ lưu niệm, cửa hàng bán đồ dùng học tập, cửa hàng bán đồ chơi, cửa hàng bán quần áo, ...).

Gợi ý :

- Tên cửa hàng là gì ?
- Cửa hàng đó ở đâu ?
- Cửa hàng có đẹp không ?

- Cửa hàng bán những mặt hàng nào ?
- Giá hàng thế nào ?
- Em thường mua gì ở đó ? Chúng có tốt không ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....



1. Chọn từ cho dưới đây điền vào chỗ trống cho thích hợp :

thời trang, kiểu mẫu, hiệu may, áo dài

- a) Tớ muốn may một bộ bằng lụa trắng.
- b) Cậu thường may quần áo ở nào ?
- c) Tớ thích mua áo len ở cửa hàng này vì họ có nhiều mới lạ.
- d) Em mua chiếc mũ này đi, rất hợp đấy.

2. Viết từ ngữ thích hợp với mỗi bức tranh dưới đây :



M : thêu áo

.....

.....



.....

.....

.....



3. Đặt câu hỏi cho các tình huống sau :

a) Hỏi bạn em đi giày số bao nhiêu.

.....

b) Hỏi bạn em thích chiếc áo phông màu nào.

.....

c) Hỏi chị gái em may áo ở hiệu may nào.

.....

d) Hỏi anh trai em mua chiếc đồng hồ ở đâu.

.....

e) Hỏi mẹ em sẽ đi mua sắm ở siêu thị nào.

.....

g) Hỏi bạn em đường đến chợ Đồng Xuân.

.....

h) Hỏi người bán hàng có những loại vải nào để may áo dài.

.....

i) Hỏi cô bán hàng giá tiền của một bộ Lego.

.....

k) Hỏi bác bán hàng mấy giờ thì cửa hàng sách đóng cửa.

.....

l) Hỏi anh trai xem anh ấy có mua được máy nghe nhạc MP3 không.

.....

4. Đánh dấu ✓ vào ô thích hợp.

	Câu hỏi	Câu đề nghị
a) Em đang tìm gì đấy ?		
b) Cửa hàng mình có bán áo len không ?		
c) Anh có thể chỉ cho tôi quầy bán quần áo thiếu nhi ở đâu không ?		
d) Chị có thể nấu cơm hộ em được không ? Em bận học quá !		
e) Anh làm ơn may cho tôi bộ áo dài theo kiểu truyền thống nhé ?		
g) Ở trường, bạn có phải mặc đồng phục không ?		
h) Anh có thể tìm cho em đôi giày thể thao không ? Em muện học rồi.		
i) Chị nghĩ em có nên mặc bộ váy mới này đi dự sinh nhật bạn Minh không ?		
k) Sao bạn không đội mũ ? Trời lạnh lắm !		
l) Khi nào đi chợ, mẹ mua hộ con mấy đôi tất được không ?		

5. Nối vế câu ở cột A với vế câu thích hợp ở cột B để tạo thành câu có nghĩa.

A

a) Tớ sẽ mời bạn ăn món phở nếu

b) Nếu xa Hà Nội,

c) Bạn sẽ gọi món ăn nào nếu

d) Nếu có khách đến nhà ăn cơm,

e) Nếu bạn đến thăm một gia đình Việt Nam,

B

1) bạn sẽ rất hài lòng vì sự mến khách của họ.

2) bạn đến Hà Nội.

3) tớ sẽ không thể nào quên được hương vị của món phở.

4) chủ nhà thường gấp thức ăn cho khách.

5) bạn đang ở một nhà hàng phục vụ các món đặc sản Hà Nội.

6. Dùng câu hỏi để đưa ra lời đề nghị cho các tình huống sau :

a) Nhờ bạn em mua hộ một chiếc bút chì.

.....

b) Nhờ bạn em đưa đi may quần áo.

.....

c) Nhờ chị gái chọn hộ kiểu áo phù hợp.

.....

d) Yêu cầu em trai treo quần áo vào đúng nơi quy định.

.....

e) Nhờ chị gái là (ủi) hộ quần áo.

.....

7. Nhìn tranh, đặt câu hỏi theo mẫu **có ... không ?**

a) Cửa hàng bách (1) bán (2) ?



b) Hà Nội (1) mở nhiều (2) ?



c) Bạn (1) mang theo (2) ?



d) Em (1) muốn mua (2) ?



e) Mẹ (1) mặc (2) để đi dự tiệc cưới
dì Lan (3) ?



8. Hoàn thành các câu sau :

- a) Để, em cần tập nấu ăn từ bây giờ.
- b) Con phải ăn phải đủ chất để
- c) Để, em nên chọn những món ăn ít dầu.
- d) Đồ ăn tươi sống mua về phải cất vào tủ lạnh để
- e) Các bạn nên tập thể dục đều đặn để

9. Đặt câu hỏi để :

- a) Mượn bạn em cuốn từ điển.
→
- b) Mượn chị gái chiếc ba lô du lịch.
→
- c) Mượn anh trai cái mũ.
→
- d) Mượn bạn em cuốn sách "Tiếng Việt Vui".
→
- e) Mượn bạn em cái thước kẻ.
→

10. Đọc đoạn sau và đánh dấu ✓ vào ☐ thích hợp.

NÓN BÀI THƠ

Cùng với tà áo dài, người phụ nữ Việt Nam còn có chiếc nón bài thơ duyên dáng. Nón không chỉ để che mưa, che nắng mà còn để làm đẹp. Giữa các lớp lá nón trắng ngần như lụa là hình ảnh con đò, bến nước quê hương và những vần thơ quen thuộc với mỗi người dân Việt Nam, chính vì vậy mà nón được gọi là nón bài thơ.

ĐÚNG SAI

- | | | |
|--|--------------------------|--------------------------|
| a) Nón bài thơ là một phần trang phục của phụ nữ Việt Nam. | ☐ | ☐ |
| b) Nón bài thơ chỉ dùng để che mưa, che nắng. | ☐ | ☐ |
| c) Một trong những vật liệu để làm nón là lụa. | ☐ | ☐ |
| d) Giữa các lớp lá có những vần thơ quen thuộc. | ☐ | ☐ |

11. Điền các từ ngữ dưới đây vào chỗ trống thích hợp :

quen thuộc, duyên dáng, che mưa che nắng, hình ảnh, làm đẹp

- a) Phụ nữ Việt Nam trông thật trong tà áo dài.
- b) Người Việt Nam sống xa quê hương nhưng đất nước luôn ở trong tâm trí họ.
- c) Phụ nữ ngày nay thường sử dụng mỹ phẩm để
- d) Nhà cụ Lâm nghèo lắm, chỉ có một túp lều nhỏ để
- e) Cây đa, bến nước, con đò là những hình ảnh của nông thôn Việt Nam.

12. Điền vào chỗ trống tên món ăn thích hợp :

cá xào, chả cá viên, cá rán

- a): Đun mỡ nóng già, bỏ tỏi vào phi thơm, vớt ra. Cho cá vào rán chín vàng thì lật mặt trên xuống rán tiếp cho chín vàng cả hai mặt.
- b): Cá làm sạch, lọc lấy nạc, băm nhỏ với hành khô. ướp muối, tiêu. Đập trứng, trộn kĩ với bột mì, viên thành từng viên nhỏ. Rán ngập mỡ.
- c): Cá làm sạch, lọc lấy nạc, thái miếng mỏng to bản. ướp muối, mắm, tiêu, hành. Đun mỡ nóng, phi thơm hành, bỏ cá vào đảo nhẹ tay.

13. Ghi lại các từ nói về cách chế biến các món ăn trong bài tập 12.

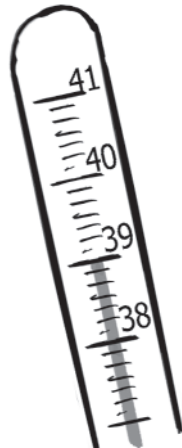
- | | | | |
|----------|----------|----------|----------|
| a) | b) | c) | d) |
| e) | g) | h) | i) |
| k) | l) | m) | n) |



1. Xem tranh và hoàn thành câu :



a) Ông ấy



b) Em bécao.



c) Chị ấy



d) Anh ấy

2. Dùng từ *lại*** để viết tiếp các câu dưới đây :**

- a) Chị hát bài này hay quá. Chịcho chúng em nghe với !
- b) Em làm bài này chưa đúng. Em
- c) Tôi đã xem phim này hai lần rồi nhưng
- d) Bác sĩ bảo tuần sau tôi phải vào viện để
- e) Hôm qua anh ấy nghỉ, hôm nay



- g) Chết rồi, hôm nay em quên sách ở nhà.
h) Mới ốm được mấy ngày, hôm nay
i) Tuần trước Nam vừa về quê, tuần này

3. Điền những từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành hội thoại sau :

Jean-Paul : – Thưa thầy, hôm nay Julie xin nghỉ học ạ.

Thầy Việt : – Bạn ấy lại (1).....à ? Làm sao thế ?

Jean-Paul : – Dạ, bạn ấy bị (2).....ạ.

Thầy Việt : – Sao, vừa mới khỏi, (3).....à ? Có phải đi (4).....không ?

Jean-Paul : – Đêm qua bạn ấy (5).....cao, gia đình gọi xe (6).....
đưa bạn ấy đi bệnh viện. Nhưng hôm nay, bạn ấy đã (7).....nhiều rồi.
Chắc ngày mai bạn ấy sẽ (8).....

Thầy Việt : – Thầy gửi lời hỏi thăm bạn nhé.

Jean-Paul : – Dạ, vâng ạ.

4. Biến đổi các câu sau theo mẫu.

M : Hôm nay trời **mát hơn** hôm qua.

Hôm nay trời **đổ nóng hơn** hôm qua.

Hôm nay trời **đổ lạnh hơn** hôm qua.

Hôm nay trời **ấm hơn** hôm qua.

a) Từ lúc uống thuốc xong, tôi thấy người đỡ mệt hơn.

→

b) Ngồi nói chuyện với bạn, mình thấy đỡ buồn hơn.

→

c) Khí hậu ở trong Nam khô hơn và nóng hơn ở ngoài Bắc.

→

d) Nếu bạn là người thấp và béo thì nên mặc quần áo màu đen vì trông bạn sẽ cao hơn và gầy hơn.

→

5. Nối từ ở cột A với từ thích hợp ở cột B rồi đặt câu với các kết hợp đó.

A	B
a) sáng	
b) trắng	
c) cao	lên
d) ngắn	
e) dài	đi
g) đầy	
h) lười	ra
i) béo	
k) gầy	

Đặt câu :

- a)
- b)
- c)
- d)
- e)
- g)
- h)
- i)
- k)

6. Hoàn thành các câu dưới đây :

- a) Nếu bạn bị ốm thì
- b) thì phải xin phép thầy, cô.
- c) Nếu hôm nay trời lại mưa thì
- d) thì bạn sẽ bị mất ngủ.
- e) Nếu bạn bị sốt cao thì

7. Hãy sử dụng kết cấu **nếu ... thì ...** hoặc các từ **phải, cần, nên** để nói lời khuyên :

a) Một người bạn của em sức khoẻ kém và hay bị ốm.

.....

b) Em trai của em không thích dậy sớm và lười tập thể dục.

.....

c) Anh trai của em uống rượu quá nhiều.

.....

d) Bố của em hút thuốc lá nhiều và hay bị ho.

.....

e) Một người bạn của em muốn học giỏi tiếng Việt.

.....

8. Điền các từ ngữ dưới đây vào chỗ trống thích hợp để hoàn thành hội thoại :

hết, tất cả, viên, thuốc, mua, đơn thuốc, uống, khỏi

A

Bác sĩ : – Chị mua (1)..... theo đơn thuốc này nhé ! Thuốc này chị mua 10 viên, (2)..... trong 5 ngày, mỗi ngày 2 viên. Còn thuốc này chị (3)..... 9 viên, mỗi ngày chị uống 3 (4)..... nhé.

Bệnh nhân : – Vâng. Cảm ơn bác sĩ.

Bác sĩ : – Nếu uống (5)..... thuốc mà vẫn chưa (6)..... thì chị đến đây để tôi khám lại nhé.

Bệnh nhân : – Vâng. Chào bác sĩ.

Bác sĩ : – Chào chị.

B

Bệnh nhân : – Chị ơi ! Chị bán thuốc cho tôi theo (7)..... này.

Người bán thuốc : – Thuốc của chị đây ạ.

Bệnh nhân : – (8)..... là bao nhiêu tiền hả chị ?

Người bán thuốc : – 60 000 đồng chị ạ.

9. Hoàn thành câu :

1) A : – Chị ấy bị ho, sốt và đau đầu.

B : – Chắc là chị ấy bị rồi.

a) ung thư

b) đau dạ dày

c) cảm

2) – Hôm qua con uống nước lã. Bây giờ rồi phải không ?

a) đau tay

b) đau bụng

c) sốt

3) – Con đang bị, con không được ăn kem đâu đấy.

a) đau đầu

b) viêm họng

c) đau tai

4) A : – Ông đã đỡ chưa ?

B : – Tôi đỡ rồi ông ạ. Sờ trán đã thấy mát hơn rồi.

a) sốt

b) ho

c) đau đầu

5) – Cháu đang bị Khi ra đường, cháu phải quàng khăn ấm cổ nhé !

a) ho

b) đau dạ dày

c) đau lưng

10. Đọc truyện dưới đây và trả lời các câu hỏi.

CHỮA BỆNH THEO SÁCH ?

Có một thầy lang rất dốt. Khi khám bệnh và cho thuốc, ông ta luôn phải mở sách ra xem. Một hôm, có bệnh nhân bị đau bụng đến xin thuốc, thầy lang cho anh ta uống nhân sâm. Sau khi uống xong, bệnh nhân càng đau bụng hơn và hôm sau thì chết. Người nhà anh ta đưa thầy lang ra toà. Quan toà hỏi :

– Vì sao bệnh nhân đau bụng ông lại cho uống nhân sâm ?

Thầy lang cãi :

– Sách thuốc dạy như thế.

Ông ta giở sách cho quan toà xem. Đúng là ở cuối một trang sách có câu : “Đau bụng uống nhân sâm”. Nhưng quan toà giở sang trang sau thì thấy đầu trang còn hai chữ nữa : “sẽ chết”.

TRUYỆN DÂN GIAN VIỆT NAM

a) Vì sao thầy lang luôn phải mở sách ra xem khi khám bệnh và bốc thuốc ?

.....

b) Người bệnh bị làm sao ? Thầy lang chữa thế nào ?

.....

c) Kết quả thế nào ?

.....

d) Thầy lang có chữa bệnh theo đúng sách không ?

.....

11. Đọc bài dưới đây và thực hiện các yêu cầu ở dưới :

TRIẾT LÝ SỐNG CỦA NGƯỜI TRUNG QUỐC HIỆN ĐẠI

Nếu bạn muốn sống lâu, sống khoẻ thì hãy làm theo những lời khuyên sau :

Ba quên :

– Quên tuổi tác

– Quên bệnh tật

– Quên hận thù

Bốn có :

– Có nhà ở

– Có bạn đời

– Có bạn tri âm

– Có sổ tiết kiệm

Năm phải :

– Phải vận động

– Phải hoà nhã

– Phải biết cười

– Phải biết nói chuyện

– Phải biết coi mình là người bình thường

a) Giải thích nội dung của từng lời khuyên.

Ba quên – M : *Quên tuổi tác* : không lo lắng về tuổi già.

– Quên bệnh tật :

– Quên hận thù :

Bốn có – M : *Có bạn đời* : có vợ hoặc chồng.

– Có nhà ở :

– Có bạn tri âm :

– Có sở tiết kiệm :

Năm phải – M : – Phải vận động : phải tập thể dục, đi lại, làm việc, không nằm hoặc ngồi một chỗ.

– Phải hoà nhã :

– Phải biết cười :

– Phải biết nói chuyện :

– Phải biết coi mình là người bình thường :

b) Bạn thấy lời khuyên nào thú vị nhất ?

.....

c) Có lời khuyên nào bạn không đồng ý không ?

.....

12. Hoàn chỉnh hội thoại sau :

Bắc : – A lô, (1).....à ? Mình nghe tin bạn (2)..... nhưng chưa (3).....
..... được. Bạn bị (4).....?

Nam : – Cảm ơn bạn. Mình chỉ bị (5).....thôi.

Bắc : – Bạn đã đi (6).....chưa ?

Nam : – Rồi. Bác sĩ đã khám và (7).....Mình uống thuốc rồi.

Bắc : – Bạn có thấy (8).....không ?

Nam : – Có. Mình thấy đỡ nhiều rồi nhưng chắc còn (9).....một, hai hôm nữa mới đi học được.

Bắc : – Thôi nhé, chúc bạn (10).....Khi nào rảnh mình sẽ đến thăm.



Thể thao



1. Nhìn tranh, trả lời câu hỏi : Họ đang chơi gì ?



a)



b)



c)



d)



2. Chuyển những câu sau thành câu cảm thán :

a) Hôm nay trời rất nóng.

.....

b) Bộ phim ấy rất hay.

.....

c) Phở ở đây rất ngon.

.....

d) Bạn ấy rất chăm.

.....

e) Bạn ấy rất giỏi.

.....

3. Đặt câu với các từ ngữ ở 2 cột sau để nói về sở thích của em :

A	B
– (rất) mê, (rất) thích, (rất) khoái – không thích, không thích lắm, không khoái lắm, ghét, sợ	– đi mua sắm – đọc sách – xem vô tuyến / xem ti vi – đi bộ – xem bóng đá – đi uống bia với bạn bè

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4. Em thường làm gì vào những ngày nghỉ hoặc trong dịp nghỉ hè (đi đâu, làm gì, với ai) ?

.....

.....

.....

.....

.....

5. Đặt câu với các từ ngữ sau :

- a) nghĩ là
- b) cho rằng
- c) nói là
- d) bảo rằng
- e) sợ rằng
- g) muốn là

6. Đặt câu với kết cấu **càng ... càng ...** và các từ ngữ đã cho.

M : tôi, đọc, thấy thích → *Tôi càng đọc càng thấy thích.*

sách, tôi, khó, thích đọc → *Sách càng khó, tôi càng thích đọc.*

a) việc, tôi, khó, thích làm

.....

b) em bé này, lớn, xinh

.....

c) mẹ, em bé, đỏ, khóc to hơn

.....

d) đội MU, về cuối trận, đá, hay

.....

e) nó, tôi, giải thích, không hiểu

.....

g) trời, về tối, lạnh

.....

h) bài hát này, nghe, hay

.....

i) sách, học sinh, vui, thích, học

.....

7. Đọc hội thoại sau và trả lời các câu hỏi ở dưới.

Paul : – Dũng ơi, ngày mai anh có rỗi không ?

Dũng : – Sao anh hỏi vậy ?

Paul : – Tôi định mời anh đi xem phim với tôi.

Dũng : – Thế à ? Nhưng ngày mai là thứ mấy ?

Paul : – Thứ sáu.

Dũng : – Thứ sáu à ? Để tôi nghĩ xem : Sáng mai tôi phải đi chợ mua thức ăn, rồi viết thư về nhà. Buổi chiều tôi có giờ học tiếng Pháp và sau đó đi sửa xe. Còn buổi tối, tôi phải đi thư viện. Tôi rất thích đi xem với anh nhưng ngày mai thì tôi bận.

Paul : – Tiếc thật ! Anh làm việc nhiều quá. Thỉnh thoảng cũng phải nghỉ ngơi một chút chứ. Còn ngày kia, anh có bận gì không ?

Dũng : – Ngày kia là thứ bảy. Chiều thứ bảy tôi thường chơi bóng đá, còn buổi tối thì tôi rỗi.

Paul : – Tốt quá ! Thế thì tối thứ bảy chúng ta sẽ đi xem phim .

Dũng : – Anh định xem phim gì, ở đâu ?

Paul : – Chưa biết phim gì nhưng tôi định xem ở rạp Tháng Tám gần Hồ Gươm vì tôi chưa đến đấy bao giờ.

Trả lời câu hỏi : Đúng hay sai ? Nếu sai, hãy sửa lại cho đúng.

ĐÚNG SAI

a) Paul định mời Dũng đi xem kịch.

☐ ☐

b) Sáng thứ sáu, anh Dũng phải viết thư cho gia đình.

☐ ☐

c) Gia đình anh Dũng sống ở Hà Nội.

☐ ☐

d) Chiều thứ sáu, anh Dũng dạy tiếng Pháp.

☐ ☐

e) Anh Dũng rất thích bóng đá.

☐ ☐

g) Các anh ấy sẽ đi xem phim vào tối thứ bảy.

☐ ☐

h) Paul muốn xem ở rạp Tháng Tám vì ở đó đang có phim hay.

☐ ☐

8. Hoàn thành các hội thoại theo mẫu.

M : A : – Mình rất mê bóng đá. Còn cậu ?

B (bóng đá (-) / bóng rổ (+)) : – Mình không khoái bóng đá lắm nhưng mình lại rất mê bóng rổ / rất thích bóng rổ.

a) A : – Cậu có thích chơi tennis không ?

B (-) : – Không, mình (1).....chơi tennis.

A : – Thế còn cầu lông ?

B (-) : – Cầu lông thì mình lại càng (2).....

b) A : – Lúc rảnh rỗi em thường làm gì ?

B (nghe nhạc +) : – Em (1).....

A : – Thế à ? Em thích nghe nhạc gì ?

B : – Em (dân ca +) (2).....và (nhạc cổ điển +) (3).....
.....còn nhạc rock (-) thì em (4)

c) A : – Cậu có vẻ (+) (1)tennis lắm nhỉ ?

B : – Thật ra thì mình (-) (2)tennis lắm.

A : – Nhưng tại sao hôm nào cũng thấy cậu ra sân ?

B : – À, mình ra sân để cổ vũ mọi người, còn cái mà mình (+) (3).....là
sau đó đi uống bia với bạn bè.

9. Đặt câu với các cụm từ *ngĩ là, nghĩ rằng, cho là, cho rằng, sợ là, sợ rằng* để trả lời các câu hỏi sau :

a) – Mình rất muốn nói tiếng Việt giỏi như bạn. Theo bạn, mình phải làm thế nào ?

–
.....

b) – Cô giáo có muốn đội kịch lớp mình đi biểu diễn không ?

–
.....

c) – Bạn đã xin phép bố mẹ để chủ nhật này đi chơi với bọn mình chưa ?

–
.....

d) – Tối nay chúng mình đi xem nhé ?

—
.....

e) – Em có nghĩ rằng mẹ sẽ đồng ý cho anh đi du lịch không ?

—
.....

10. Viết khoảng 10 dòng về một nhà thể thao mà em yêu thích.

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....



Lễ hội



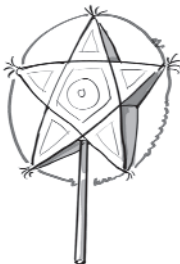
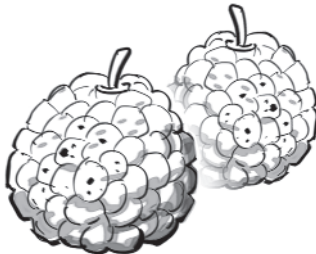
1. Hãy khớp từ ngữ với tranh để biết mẹ định mua những gì cho Vân và Sơn vui Tết Trung thu.

✓	a) đầu sư tử
✓	b) bánh dẻo, bánh nướng
	c) quả na (mãng cầu)
✓	d) quả hồng
✓	e) quả bưởi

1)	
2)	
3)	
4)	
5)	



	g) đèn kéo quân
	h) nải chuối
✓	i) mặt nạ con thỏ
	k) mặt nạ Ông Địa
✓	l) đèn ông sao

6)	
7)	
8)	
9)	
10)	

2. Những thứ mẹ đã mua được đánh dấu ✓ trong bài tập 1. Dựa vào đó, hãy đóng vai Vân và Sơn, hỏi đáp theo mẫu.

M : Sơn : – Chị Vân ơi, mẹ đã mua mặt nạ con thỏ chưa ?

Vân : – Mẹ mua rồi.

Sơn : – Mẹ đã mua chuối chưa ?

Vân : – Chưa. Mẹ chưa mua chuối.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Đọc và trả lời câu hỏi ở dưới.

Từ đầu tháng tám âm lịch, Vân và Sơn đã chờ tết Trung thu. Hôm 12 tháng 8, hai chị em theo mẹ đi chợ Trung thu. Mẹ mua cho Sơn cái mặt nạ Ông Thổ Địa rất buồn cười. Vân mua mặt nạ con thỏ. Ba mẹ con đến cửa hàng mua bánh nướng, bánh dẻo. Sau đó, mua chuối, bưởi, hồng. Đêm Trung thu, hai chị em ra phố rước đèn và xem múa sư tử với con các cô bác hàng xóm. Đến 9 giờ, hai chị em về nhà phá cỗ, trông trăng với bố mẹ.

a) Vân và Sơn chờ tết Trung thu từ bao giờ ?

.....

.....

b) Hôm 12 tháng 8, hai chị em theo mẹ đi đâu ?

.....

.....

c) Mẹ mua cho Sơn và Vân những đồ chơi gì ?

.....

.....

d) Ba mẹ con mua những gì để bày cỗ Trung thu ?

.....
.....

e) Đêm Trung thu, hai chị em rước đèn và xem múa sư tử với ai ?

.....
.....

g) Hai chị em phá cỗ, trông trăng với ai, ở đâu ?

.....
.....

4. Điền từ ngữ dưới đây vào chỗ trống thích hợp để hoàn thành hội thoại sau :

Ngày Tình yêu, của, ngày lễ, của người cao tuổi, không có

Lan : – Ngoài đường đông người mua hoa quá. Hôm nay là (1)..... gì hả chị ?

Phương : – Hôm nay là ngày mồng 8 tháng 3, (2)..... của phụ nữ.

Lan : – Ở nước mình có tổ chức Ngày Thánh Valentine không, chị ?

Phương : – Có. Từ năm bảy năm nay, thanh niên đã gọi ngày 14 tháng 2 là (3).....
..... rồi.

Lan : – Hình như người cao tuổi cũng có ngày lễ riêng ?

Phương : – Ngày lễ (4)..... Việt Nam là ngày 1 tháng 10.
Còn ngày 1 tháng 6 là ngày lễ (5)..... thiếu nhi.

Lan : – Chị ơi, (6)..... ngày lễ của nam giới à ?

Phương : – Không, vì ngày nào họ cũng vui như Tết rồi.

5. Trong mỗi câu sau, người nói ở vị trí nào so với vùng được nói đến ?

a) Bác em làm việc ở trong Huế.

Người nói ở

b) Bác em làm việc ở ngoài Huế.

Người nói ở

c) Gia đình cô em ở trên Việt Trì.

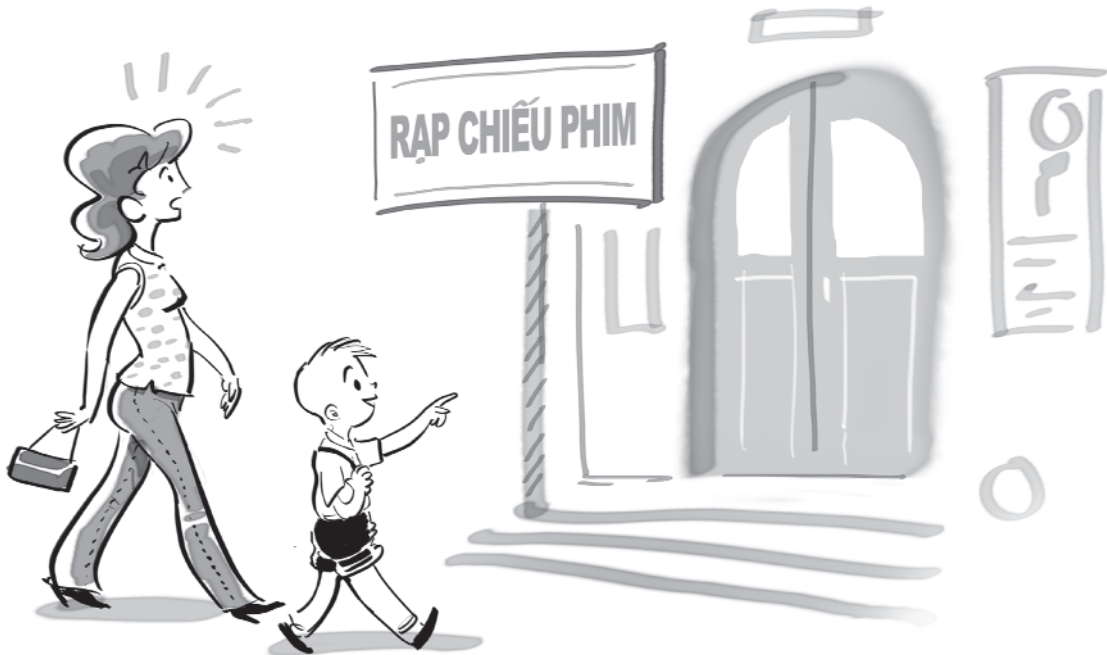
Người nói ở

d) Gia đình cô em ở dưới Việt Trì.

Người nói ở

6. Điền các từ **trên, trong, trước, sau** vào chỗ thích hợp :

BỐ MẸ CHÁU Ở ĐÂU ?



Một phụ nữ đang đi (1)..... đường. (2)..... lưng bà, có một chú bé rảo bước theo. Đến bên bà, chú bé nói :

– Châu xin lỗi. Bác có thể cho cháu 5 đồng để cháu đi tìm bố mẹ cháu được không ạ ?

Người phụ nữ bảo :

– Được chứ ! Nhưng bác có thể dẫn cháu đi . Bố mẹ cháu đang ở đâu ?

Chú bé dẫn người phụ nữ đến (3)..... một rạp chiếu phim, nói :

– Bố mẹ cháu đang ở (4)..... này.

7. Chuyển đổi các câu dưới đây theo mẫu.

M : Trẻ em Việt Nam có tết Thiếu nhi 1 tháng 6 và tết Trung thu.

→ Ngoài tết Thiếu nhi 1 tháng 6 ra, trẻ em Việt Nam còn có tết Trung thu.

→ Trẻ em Việt Nam có tết Thiếu nhi 1 tháng 6. Ngoài ra, các em còn có tết Trung thu.

a) Người Việt Nam ăn tết dương lịch và tết Nguyên đán.

→

.....

b) Đồng bào Khmer ở Nam Bộ ăn tết dương lịch, tết Nguyên đán và tết Chon Chnam Thơ Mây.

→

.....

c) Tỉnh Bắc Ninh có Hội Lim nổi tiếng và nhiều lễ hội đặc sắc khác.

→

.....

d) Nha Trang có biển đẹp, không khí trong lành và nhiều công trình văn hoá, lịch sử nổi tiếng.

→
.....

8. Điền các từ *nào, ấy (ấy)* vào chỗ trống.

a) Cha (1)..... con (2).....

b) Rau (1)..... sâu (2).....

c) Trồng cây (1)..... ăn quả (2).....

d) Nói thể (1)..... làm thể (2).....

e) Gió chiều (1)..... che chiều (2)

g) Gió lúc (1)..... mát mặt lúc (2).....

9. Điền các từ *có năm, có ngày, có tháng, có lúc, có khi* vào chỗ trống để hoàn thành hội thoại sau :

– Bố mẹ bạn có hay về nước không ?

– Năm nào bố mẹ mình cũng về. (1) về hai lần.

– Mỗi lần về, bố mẹ bạn ở có lâu không ?

– (2) ở một tháng, (3) ở hai tháng.

– Còn bạn có hay về không ?

– Mình bận học nên (4) về, (5) không.

– Thường bạn về vào dịp nào ?

– (6) mình về ăn Tết, (7) về nghỉ hè. Năm nay mình về để làm một bài thuyết trình về lễ hội ở Việt Nam.

– Hay quá nhỉ ! Hằng ngày, bạn làm việc ở đâu ?

– (8) đi thư viện, (9) đi thực tế.

– Đi thực tế là đi nghe hát quan họ à ?

– Tùy từng lúc thôi. (10) nghe hát quan họ, (11) đi lễ chùa, (12) đi nhà thờ.

10. Kể về một buổi họp mặt mừng sinh nhật em (hoặc mừng sinh nhật ông, bà, bố, mẹ em).

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....



1. Viết tên môn nghệ thuật thích hợp với mỗi tranh.



a)



b)



c)



d)



e)



g)



2. Xếp các từ ngữ dưới đây vào nhóm thích hợp :

tranh sơn dầu, tranh cắt giấy, nhà thơ, cải lương, kịch nói, nhà văn, nghệ sĩ, tranh dân gian, tiểu thuyết, uốn dẻo, ảo thuật, nhạc nhẹ, diễn viên, đạo diễn, phim tài liệu, múa rối, múa rối nước, truyện dân gian

a) Hoạ sĩ, nhạc sĩ,

.....

b) Truyện ngắn, thơ,

.....

c) Phim truyện, phim hoạt hình,

.....

d) Tranh sơn mài, tranh lụa,

.....

e) Chèo, tuồng,

.....

g) Xiếc thú, đu bay,

.....

3. Nối từ ở cột A với từ thích hợp ở cột B.

A

a) nghe

b) xem / coi

c) đọc

d) diễn

e) ngâm

g) đóng

h) viết

i) vẽ

k) biểu diễn

B

hát

truyện

kịch

phim

xiếc

thơ

tranh

chèo

múa rối

4. Đặt câu với các từ ngữ ở bài tập 2 (ít nhất là 9 từ ngữ).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

5. Điền các từ *được, bị* vào chỗ trống để hoàn thành hội thoại sau :

Sơn : – Chị Vân ơi, hôm nay lớp em (1) đi xem xiếc.

Vân : – Em có thích không ?

Sơn : – Thích lắm ! Em (2) ngồi ngay hàng đầu. Tiết mục ảo thuật hay lắm. Em còn (3) bắt tay nhà ảo thuật và ăn kẹo nữa.

Vân : – Nhưng em đang (4) đau bụng ?

Sơn : – Em khỏi rồi. Còn lớp chị có (5) đi đâu không ?

Vân : – Tuần sau, lớp chị sẽ đi thăm Bảo tàng Nghệ thuật. Nhưng không biết tổ của chị có (6) đi không.

Sơn : – Vì sao ?

Vân : – Vì có mấy bạn (7) điểm kém, hai bạn đi muộn. Cả tổ (8) cô giáo phạt.

6. Đặt câu với từ **đã** để đáp lời bạn :

a) – Chúng mình đi xem phim đi !

–

b) – Cậu ăn kem đi !

–

c) – Cậu cho mình mượn quyển truyện này với !

–

d) – Cậu cho mình số điện thoại của Mai nhé ?

–

e) – Cậu có muốn học tiếng Nhật không ?

–

g) – Cậu có đi du lịch Tây Nguyên không ?

–

7. Đặt câu với từ **nhé** theo các yêu cầu sau :

a) Rủ bạn đi xem kịch.

.....

b) Mời bạn ăn một món ăn mới.

.....

c) Khoe với bạn là mình được xem múa rối nước.

.....

d) Khoe với bạn là mình được thấy cầu Mỹ Thuận.

.....

e) Dặn bạn làm một bài tập trong sách *Tiếng Việt Vui*.

.....

8. Chuyển các câu chủ động sau đây thành câu bị động :

a) Bạn đọc phê bình quyển tiểu thuyết ấy.

.....

b) Trẻ em Việt Nam rất mê truyện tranh Đô-rê-mon.

.....

c) Nhiều người yêu thích những bài hát của Trịnh Công Sơn.

.....

d) Người xem đánh giá cao nghệ thuật múa rối nước của Việt Nam.

.....

e) Người ta coi quan họ là nét đặc sắc của văn hoá Bắc Ninh.

.....

9. Điền các từ **được, bị** vào chỗ trống thích hợp.

HAI CHÚNG TA BẰNG CẢ NHÂN LOẠI

Có lần, nhà văn nổi tiếng Bernard Shaw (1) mời dự một bữa tiệc. Trong bữa tiệc, ai nấy đều khó chịu vì (2) một anh chàng hợm hĩnh làm phiền. Anh chàng này khoe khoang luôn mồm, làm như biết tất cả mọi việc trên trời dưới đất.

Bernard Shaw càng nghe càng khó chịu. Cuối cùng, ông bảo :

– Đây, anh bạn ! Hiểu biết của anh với tôi cộng lại bằng kiến thức của cả nhân loại đấy.

Anh hợm ngạc nhiên :

– Thật sao ?

Bernard Shaw thản nhiên đáp :

– Thật vậy ! Anh biết mọi việc trên đời, trừ một điều không biết là anh đang (3) mọi người ở đây chán ghét. Nhưng tôi biết điều này. Như vậy, nếu hiểu biết của hai chúng ta (4) cộng lại, có phải nó sẽ bằng kiến thức của cả nhân loại không ?

NGUYỄN SƠN LIÊN *sưu tầm*

10. Đặt câu hỏi để thể hiện ý cảm thán trong mỗi tình huống sau đây :

a) Khen bạn em học giỏi.

.....

b) Khen nhà bạn sạch, đẹp.

.....

c) Khen em của bạn ngoan.

.....

d) Khen vở kịch hay.

.....

e) Tự khen mình đã viết được bài văn hay.

.....

g) Tự chê mình vẽ tranh không đẹp.

.....

h) Than phiền vì em ra sân đá bóng nhưng chưa thấy bạn nào đến.

.....

i) Than phiền về việc thanh niên bây giờ hay hát những bài hát buồn.

.....

BÀI 1. LÀM QUEN

1. Điền từ ở cột B vào chỗ trống ở cột A sao cho thích hợp
 1) bạn ; 2) vào nhà ; 3) nước ; 4) một tuần ; 5) về cùng ;
 6) thời tiết ; 7) nóng ; 8) học ; 9) tiếng Việt ; 10) Trung tâm
2. Dùng từ **đừng**, viết lời khuyên ngăn theo gợi ý
 a) Đừng hút thuốc lá.
 b) Đừng nghiện rượu.
 c) Đừng nói to ở nơi công cộng.
 d) Đừng đợi khát mới uống nước.
3. Chuyển các câu đã cho thành câu hỏi theo mẫu
 a) Ngày mai mình gặp cậu được không / có được không ?
 b) Cậu cho tớ gửi mấy thứ về Việt Nam được không / có được không ?
 c) Trưa nay ở lại trường, cậu đi ăn cơm với tớ được không / có được không ?
 d) Em tớ đi biển cùng chúng mình được không / có được không ?
4. Dùng câu hỏi **được không** để hoàn thành các hội thoại
 a) – Cậu làm giúp tớ bài này được không / có được không ?
 b) – Cậu chuyển giúp tớ đơn xin nghỉ học tới thầy giáo được không / có được không ?
 c) – Cậu chờ tớ nửa giờ được không / có được không ?
 d) – Cậu cho tớ mượn cái bút được không / có được không ?
5. Điền **à** hoặc **chứ** vào chỗ trống
 a) à ; b) à ; c) chứ ; d) chứ
6. Đánh dấu ✓ vào ☐ trước câu dùng đúng từ **à** hoặc **chứ**
 a) Anh trai bảo em gái : – Mấy giờ rồi mà em còn ngồi đây ? Đi học bài đi **chứ** ?
 Em gái nói : – Anh mắng em đấy **à** ?
 b) Cường thấy Đại ngáp ngủ. Cường hỏi : – Đêm qua cậu đi ngủ muộn lắm **à** ?
 c) Đại mời Cường ăn kem. Cường hỏi : – ... Cậu cũng biết mình thích ăn kem **à** ?
 d) ... Đại hỏi : – Má cậu gọi **à** ? – Cậu ngồi thêm 5 phút nữa được **chứ** ?
7. Sắp xếp lại thứ tự các câu trong hội thoại cho đúng
 c) – Cháu nói tiếng Việt giỏi lắm. Ở nhà bố mẹ cháu có nói tiếng Việt với cháu không ?
 a) – Vâng, ở nhà bố mẹ cháu vẫn nói tiếng Việt với chúng cháu.
 b) – Vậy vì sao cháu còn đi học ở Trung tâm ?
 e) – Cháu đi học ở Trung tâm vì cháu không biết viết.
 d) – Nghe ra-đi-ô cháu có hiểu được không ?
 g) – Nghe ra-đi-ô cháu không hiểu được.
 i) – Vì sao cháu không hiểu ?
 h) – Vì họ nói nhanh quá và có nhiều từ cháu không biết.
 l) – Ở Trung tâm, thầy giáo dạy nghe thế nào ?
 k) – Ở Trung tâm, cháu nghe thầy giáo đọc và nghe đĩa. Sau đó trả lời câu hỏi.

8. Điền câu hỏi vào chỗ trống để hoàn thành hội thoại

- (1) Anh tên là gì ?
- (2) Chị là người miền Nam phải không ?
- (3) vì sao anh biết ?
- (4) Anh học tiếng Việt ở đâu ?
- (5) Anh học được bao lâu rồi ?

9. Chữa lỗi chính tả

- (1) tráu → **cháu**
- (1) bác xĩ, nghệ thuật → bác **sĩ**, **nghệ** thuật
- (3) vẽ chanh, trụp ảnh → vẽ **tranh**, **chụp** ảnh
- (4) chầu, thíc → **cháu**, **thích**
- (5) tráu, trơi → **cháu**, **chơi**
- (6) ca xĩ → ca **sĩ**
- (7) thít, dộng hát → **thích**, **giọng** hát

10. Đọc mẫu chuyện *Ai đúng hơn ?* và trả lời câu hỏi

- a) Chị làm tính đúng.
- b) Em trả lời cũng đúng.
- c) Em đúng hơn.

11. Em mới quen một bạn vừa ở trong nước sang, hãy kể lại buổi gặp gỡ đó.

Ví dụ :

Em gặp bạn Lê ở nhà bác em. Em gặp bạn cuối tuần trước. Lê cao hơn em. Bạn 11 tuổi – bằng tuổi em. Gia đình bạn ở gần nhà bác em. Chúng em rất mến nhau. Chúng em nói với nhau nhiều chuyện. Bạn giúp em học tiếng Việt. Em giúp bạn học tiếng nước ngoài. Em và bạn có hẹn gặp lại nhau cuối tuần tới, ở nhà bạn ấy.

BÀI 2. GIA ĐÌNH

1. Nối từ ở cột A với nghĩa ở cột B

a – 5 ; b – 1, 2, 3, 4 ; c – 7 ; d – 6 ; e – 8

2. Điền từ thích hợp vào chỗ trống :

a) bác ; b) chú ; c) bác / dượng ; d) chú / dượng

3. Đánh dấu ✓ vào ☐ trước câu trả lời đúng

- a) Vợ của anh trai bố gọi là **bác**.
- b) Vợ của em trai bố gọi là **thím**.
- c) Vợ của anh trai mẹ gọi là **bác**.
- d) Vợ của em trai mẹ gọi là **mợ**.

4. Điền từ thích hợp vào chỗ trống

a) anh ; b) bác ; c) anh họ, chị họ ; d) cậu ; e) mợ ; g) em / em họ

5. Đặt câu với những từ đã cho theo mẫu

Ví dụ :

- a) Bác Hoà vừa gầy vừa cao.
- b) Em gái em vừa xem ti vi vừa hát.
- c) Chú Việt vừa đi làm vừa đi học.
- d) Huỳnh vừa là em họ vừa là bạn cùng lớp của Lan.

6. Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu

Ví dụ :

- a) Ba em vừa **hiền** vừa **chịu khó**.
- b) Gia đình em vừa **ăn cơm** vừa **trò chuyện vui vẻ**.
- c) Nơi em ở vừa **đẹp** vừa **yên tĩnh**.
- d) Món nem dĩa em làm vừa **nóng** vừa **giòn**.

7. Dùng các từ **thường, hay, thỉnh thoảng** để trả lời câu hỏi

- a) thường ; b) thỉnh thoảng ; c) thường ; d) thường ; e) hay

8. Chọn **thường** hoặc **hay** điền vào chỗ trống

- a) (1) hay ; (2) thường
- b) (1) thường ; (2) hay
- c) thường
- d) (1) hay ; (2) thường

9. Sắp xếp những từ đã cho thành câu đúng

- a) Anh David thường ăn sáng ở hiệu phở.
- b) Cô Lan không biết lái xe ô tô.
- c) Năm nay bà Hoa 70 tuổi. / Bà Hoa năm nay 70 tuổi.
- d) Anh Bình đi làm lúc 7 giờ sáng.
- e) Nước dừa giá 6000 đồng một cốc.
- g) Ông Hải không thích uống cà phê.
- h) Mẹ tôi có thể nấu món ăn Hàn Quốc.
- i) Hôm nay, lớp tôi không có tiết thể dục.
- k) Bố tôi thích ăn bánh mì và uống bia.
- l) Chủ nhật tuần trước tôi đi bơi ở khách sạn Daewoo.

10. Đọc những câu đã cho, sửa lỗi chính tả

- a) trú → **chú** ; em chai → em **trai**
- b) Trị Hồng → **Chị** Hồng
- c) Trúng tôi → **Chúng** tôi ; dúp đỡ → **giúp** đỡ
- d) có truyện gì → có **chuyện** gì ; biểc → **biết**
- e) hoa lang → hoa **lan**

11. Kể về họ hàng của em.

Ví dụ :

- a) Bố em có một người em gái. Cô tên là Lam. Cô Lam có 2 con : một trai tên là Thành, một gái tên là Ly. Em Thành 9 tuổi, học lớp 4. Em Ly 7 tuổi, học lớp 2. Em là Tuấn. Em học lớp 5. Chị em tên là Thanh, học lớp 6...

BÀI 3. THỜI GIAN - THỜI TIẾT

1. Nhìn tranh, hoàn thành câu

- a) Hôm nay là thứ năm, ngày 23 tháng 2.
- b) Ngày mai là ngày 24 tháng 2.
- c) Tháng trước là tháng giêng (tháng 1).
- d) Năm nay là năm 2006.
- e) Năm sau là năm 2007.
- g) Sinh nhật tôi là ngày ... tháng ... (học sinh tự viết)
- h) Năm nay tôi ... tuổi (học sinh tự viết)
- i) Sinh nhật mẹ tôi là ngày ... tháng ... (học sinh tự viết)
- k) Năm sau mẹ tôi sẽ ... tuổi (học sinh tự viết)

2. Trả lời câu hỏi

- a) Một năm có 12 tháng.
- b) Một năm có 365 ngày.
- c) Tháng 2 có 28 hoặc 29 ngày.
- d) Một ngày có 24 giờ.
- e) Một đêm em thường ngủ 8 tiếng (9, 10 tiếng)

3. Hoàn thành câu

- a) Tháng này là tháng 6, **tháng trước** là tháng 5.
- b) Hôm nay là thứ bảy, **ngày kia** là thứ hai.
- c) Năm nay là năm 2006, **hai năm trước** là 2004.
- d) Hai tháng trước là tháng 7, **hai tháng sau** là tháng 11.
- e) Hôm qua là thứ tư, **hôm kia** là thứ ba.

4. Xem tranh và viết dự báo thời tiết cho mỗi vùng

- Thành phố Hà Nội : trời nhiều mây, không mưa, nhiệt độ 25 độ.
- Thành phố Huế : trời nắng, có lúc có mưa, nhiệt độ 28 độ.
- TP Hồ Chí Minh : trời nắng to, có gió mạnh, nhiệt độ 35 độ.

5. Viết về thời tiết nơi em ở hôm nay

Đáp án mở.

6. Hoàn thành các đối thoại

- a) – Chưa. Tớ chưa bao giờ đi châu Phi.
- b) – Anh Minh đã bao giờ học tiếng Nhật chưa ? / Anh Minh đã học tiếng Nhật bao giờ chưa ? / Anh Minh đã từng học tiếng Nhật chưa ?
- c) – Trước đây, em đã bao giờ nhìn thấy hươu cao cổ chưa ? / Trước đây, em đã nhìn thấy hươu cao cổ bao giờ chưa ? / Trước đây, em đã từng nhìn thấy hươu cao cổ chưa ?
- d) – Ông của bạn đã bao giờ lái máy bay chưa ? / đã lái máy bay bao giờ chưa ? / đã từng lái máy bay chưa ?

7. Điền *trước khi* hay *sau khi* ?

- a) **Sau khi** thức dậy, em đánh răng rửa mặt.
- b) **Sau khi** ăn cơm, chị gái rửa bát đĩa.
- c) Tối qua bố em về muộn, **sau khi** mẹ và em đã ăn cơm xong.
- d) **Trước khi** con ngủ, mẹ đọc truyện cho con nghe.
- e) **Trước khi** đi ngủ, bố tắt đèn trong bếp.
- g) **Sau khi** giặt quần áo, mẹ đi ngủ.
- h) **Sau khi** trời mưa to, trên trời có cầu vồng.

8. Điền *đi* hay *với* ?

- a) ... Cho em ăn **với** !
- b) ... Cháu về nhà **đi** !
- c) Con ăn **đi** ! ...
- d) ... Cho con xem **với** !
- e) ... Đội mũ **đi** !
- g) ... Tắt ti vi **đi** !
- h) ... Cậu cho tớ xem chung sách **với** !

9. Điền từ đã cho vào chỗ trống

(1) thứ hai ; (2) sau đó ; (3) sau ; (4) khoẻ ; (5) khám ; (6) chạy

10. Dựa vào bài tập 10, trả lời câu hỏi

- a) Người thanh niên đến bác sĩ để khám bệnh.
- b) Bác sĩ khuyên anh ấy hằng ngày tập chạy.
- c) Theo lời bác sĩ, ngày đầu tiên anh ấy chạy 1km.
- d) Ngày thứ 5 anh ấy chạy 5km.
- e) Anh ấy đã chạy suốt 3 tuần.
- g) Vì anh ấy đang ở cách thành phố 100km.

11. Điền từ đã cho vào chỗ trống thích hợp

(1) mọi người ; (2) ngọt ; (3) cam ; (4) xanh
(5) hoa ; (6) khi đó ; (7) từ ; (8) bắt đầu ; (9) sau đó

12. Đọc mẫu truyện *Đãng trí*, trả lời câu hỏi

- a) Nhà bác học đang làm việc ở trong phòng.
- b) Người phục vụ nói : "Có kẻ trộm lên vào thư viện của ngài."
- c) Nhà bác học hỏi : "Nó đọc gì thế ?".
- d) Câu hỏi ấy rất buồn cười vì kẻ trộm lên vào thư viện không phải để đọc sách.
- e) Nhà bác học đãng trí như vậy vì ông đang mãi làm việc, không để ý chuyện khác.

BÀI 4. TRƯỜNG HỌC

1. Nhìn tranh, viết tên người, vật trong tranh : Đây là ai ? Đây là cái gì ?

- a) vở ; b) quyển truyện ; c) bút ; d) bảng ; e) phấn ;
- g) thước kẻ ; h) bản đồ ; i) học sinh ; k) thầy giáo ; l) máy tính

2. Xem tranh, trả lời câu hỏi

- a) Thầy giáo đang giảng bài.
- b) Học sinh đang nghe thầy giáo giảng bài.
- c) Bảng ở phía sau thầy giáo.
- d) Máy tính ở trên bàn thầy giáo.
- e) Thước kẻ ở trên bàn học sinh.
- g) Bản đồ ở trên tường.
- h) Vở ở trên bàn học sinh.

3. Xem tranh và cho biết

- a) Bông đang học mẫu giáo.
- b) Bi đang học tiểu học.
- c) Huyền đang học trung học.
- d) Lân đang học đại học.

4. Điền tên môn học vào dưới tranh

– Tên các môn học :

- a) Môn Địa lí ; b) Hoá ; c) Toán ; d) Sinh vật ; e) Thể dục ; g) Âm nhạc

– Trả lời câu hỏi. Ví dụ :

Trong các môn học trên, em thích môn Toán nhất, vì môn Toán rất hay.

Em không thích môn Thể dục vì em rất lười tập thể dục.

Em học giỏi môn Toán.

5. Viết câu

- b) Ông và bà chào nhau.
- c) Chị và em giúp nhau lau nhà, rửa bát.
- d) Lam và Linh đi xem phim với nhau.
- e) Hai anh em đá bóng với nhau.
- g) Bố và con trai cao bằng nhau.
- h) Lan và Hoa bằng tuổi nhau.

6. Viết 5 câu theo mẫu **Trong khi A ... thì B ...**

Ví dụ :

Trong khi mẹ nấu cơm thì em lau nhà.

Trong khi ông đọc báo thì bà rửa cốc chén.

Trong khi em đọc truyện thì em trai em xem ti vi.

7. Điền các cặp từ ngữ **trong khi A ... thì B ...** hoặc **khi thì A ..., khi thì B ...** vào chỗ trống thích hợp

- Trong khi** anh đọc sách **thì** em chơi điện tử.
- Khi thì** trời mưa, **khi thì** trời nắng.
- Thầy giáo **khi thì** giảng bài mới, **khi thì** kiểm tra bài cũ.
- Trong khi** cô giáo giảng bài **thì** một số học sinh nói chuyện ồn ào.
- Mình **khi thì** đi học muộn, **khi thì** quên bút ở nhà.
- Mẹ **khi thì** nấu canh cá, **khi thì** nấu canh cua.
- Trong khi** mọi người đang ngủ thì Lân chat với bạn qua Internet.

8. Điền các từ ngữ đã cho vào chỗ trống thích hợp

(1) câu hỏi ; (2) im lặng ; (3) nữa ; (4) đứng lên ; (5) ngạc nhiên ; (6) đã

9. Điền từ thích hợp vào chỗ trống

(1) tuổi ; (2) mời ; (3) nữa ; (4) mang ; (5) hoa ;
(6) làm / nấu ; (7) chuyện ; (8) hát ; (9) nhạc ; (10) thú vị

10. Đọc **Bài văn về bố**, thực hiện yêu cầu

a) Kiểm tra thông tin : đúng hay sai ?

(1) : đúng ; (2) đúng ; (3) : sai ; (4) : sai ; (5) : sai

b) Trả lời câu hỏi

– Đề của bài văn là : “Em hãy viết về người anh hùng của em”.

– Vì cậu bé đã viết về bố cậu trong bài văn.

– Cậu đã viết : bố cậu là anh hùng – khoẻ mạnh, đẹp trai, thông minh, lịch sự. Phụ nữ rất thích bố.

– Sự thật là cậu bé muốn viết về diễn viên điện ảnh Mỹ Arnold Schaerwzeniger.

– Cậu sợ thầy giáo cho điểm kém vì viết sai chính tả tên diễn viên ấy.

11. Chọn từ ngữ thích hợp điền vào ô chữ

a)				T	U	Ầ	N	S	A	U	
b)			M :	T	H	Á	N	G	H	A	I
c)			T	H	Ờ	I	T	I	Ế	T	
d)		T	R	Ờ	I	M	Ư	A			
e)		N	Ắ	N	G						
g)				G	I	Ó					
h)	H	Ô	M	N	A	Y					
i)					N	G	À	Y	K	I	A

BÀI 5. CỘNG ĐỒNG

1. Nối từ ở cột A với từ thích hợp ở cột B

- lau nhà / quét nhà / sửa nhà
- giặt quần áo
- sửa xe đạp / rửa xe đạp / lau xe đạp
- nấu cơm
- dịch bài báo
- trồng cây
- nấu cơm
- gọi tắc xi
- xách va li
- rửa bát đĩa / lau bát đĩa / mua bát đĩa
- mua bánh mì / mua quần áo / mua xe đạp / mua nhà

2. Xếp các từ đã cho thành những cặp từ trái nghĩa

- a) đóng (cửa) – mở (cửa)
- b) nhắm (mắt) – mở (mắt)
- c) tắt (đèn) – bật (đèn)
- d) đi (giày) – cởi (giày)

3. Nối các từ trái nghĩa

- a) cao – thấp
- b) dưới – trên
- c) đẹp – xấu
- d) tốt – xấu
- e) trong – ngoài
- g) xa – gần
- h) yêu – ghét
- i) ngọt – nhạt
- k) ngọt – đắng

4. Xem tranh và viết : Ai làm gì giúp ai ?

- a) Minh sửa xe đạp giúp Thảo.
- b) Minh gọi tắc xi giúp cụ già.
- c) Thảo trồng cây giúp bà nội.
- d) Minh xách va li giúp Thảo.

5. Dựa vào bài tập 2, đặt câu theo mẫu **Nhờ ... giúp ...**

- a) “Nhờ bạn sửa xe đạp giúp mình.”
- b) “Nhờ cháu gọi tắc xi giúp ông.”
- c) “Nhờ cháu trồng cây giúp bà.”
- d) “Nhờ bạn xách va li giúp mình.”

6. Dựa vào bài tập 2, đặt câu theo mẫu **Để ... giúp ...**

- a) “ Để mình sửa xe đạp giúp bạn.”
- b) “Để cháu gọi tắc xi giúp ông.”
- c) “Để cháu trồng cây giúp bà.”
- d) “Để mình xách va li giúp bạn.”

7. Viết câu theo mẫu **Nhờ... giúp...** hoặc **Để... giúp...**, điền vào chỗ trống thích hợp

- (1) Nhờ cậu xin phép thầy giáo giúp mình.
- (2) Nhờ cậu mua giúp mình.
- (3) Để mình mua sữa giúp cậu.
- (4) Nhờ cậu xách giúp mình.

8. Điền từ thích hợp ở cột B vào chỗ trống ở cột A

- a) có họ
- b) đồng bào
- c) phát triển
- d) giải thích
- e) đồng phục
- g) đồng ruộng
- h) quan tâm

9. Đặt câu với cụm từ **cũng vậy (cũng thế)** theo mẫu

Ví dụ :

- a) Bi thích chơi ô tô, Tôm *cũng vậy*.
- b) Mai thích ăn bánh cuốn, Lan *cũng vậy*.
- c) Huế mưa to, Đà Nẵng *cũng vậy*.
- d) Sáng nay trời mát, chiều *cũng vậy*.

10. Điền các từ đã cho vào chỗ trống thích hợp

- (1) hướng ; (2) thờ cúng ; (3) cây ăn quả
- (4) giếng ; (5) chuồng ; (6) chuồng

11. Đọc bài **Các dân tộc ở Việt Nam**, trả lời câu hỏi

- a) Nước Việt Nam hiện nay có 54 dân tộc.
- b) Dân tộc đông dân nhất là dân tộc Kinh.
- c) Những dân tộc thiểu số có đông dân là Tày, Thái, Mường, Hoa, Khmer, Nùng, Hmông, Dao, Gia-rai, Ê-đê.
- d) 10 dân tộc thiểu số có dân số trên 100 000 người.
- e) Những dân tộc ít dân nhất là Brâu, Ô-đù và Rơ Măm.

BÀI 6. GIAO THÔNG – LIÊN LẠC

- 1.** Nhìn tranh, viết tên các sự vật trong tranh : Đây là cái gì ?
 a) điện thoại di động ; b) điện thoại cố định ;
 c) phong bì ; d) bưu thiếp ; e) bưu phẩm ; g) tem thư
- 2.** Sắp xếp lại các tranh theo thứ tự đúng. Cho biết ở mỗi tranh ai đang làm gì.
 a) Phương đang viết thư cho Lân.
 g) Phương đang mua tem và phong bì.
 e) Phương đang viết địa chỉ người nhận vào phong bì.
 d) Phương đang dán tem vào phong bì.
 c) Phương đang gửi thư / Phương cho thư vào hòm thư.
 b) Lân đang nhận thư.
 h) Lân đang đọc thư của Phương.
- 3.** Nối từ tiếng Anh ở cột A với từ tiếng Việt tương ứng ở cột B
 a) internet – mạng
 b) email – thư điện tử
 c) @ – a còng
 d) homepage – trang chủ
 e) cellphone – điện thoại di động
 g) computer – máy tính
 h) online – trực tuyến
- 4.** Thay thế tranh bằng từ
 (1) xe máy ; (2) xe đạp ; (3) ô tô con ; (4) xe buýt
 (5) xe máy ; (6) đi bộ ; (7) xe đạp ; (8) xe buýt
 (9) xe máy ; (10) ô tô ; (11) xe lửa ; (12) máy bay ; (13) tàu thủy
- 5.** Viết một đoạn văn tương tự bài tập 4 nói về các phương tiện giao thông nơi em ở
 Đáp án mở.
- 6.** Điền từ thích hợp vào chỗ trống
 (1) lần ; (2) đi ; (3) bằng ; (4) thường ; (5) hoặc
 (6) vừa ; (7) mất ; (8) sợ ; (9) trên ; (10) thích
 (11) nhìn ; (12) và ; (13) sợ ; (14) thì ; (15) hơn
- 7.** Điền các câu đánh số (1), (2), (3),... đã cho vào đúng tình huống
 b – (1) ; c – (7) ; d – (3) ; e – (6) ; g – (2) ; h – (4)
- 8.** Sắp xếp lại các từ cho sẵn để tạo thành câu đúng
 a) Trong tủ lạnh có trứng và nước ngọt.
 b) Thứ hai anh Bình học tiếng Anh từ 8 giờ đến 11 giờ.

- c) Ông Sơn thường thức dậy lúc 6 giờ.
- d) Một quả trứng giá bao nhiêu tiền ?
- e) Chị cho tôi hỏi một chút.
- g) Tôi đi học bằng xe đạp mất 15 phút.
- h) Thư viện ở giữa nhà hàng và hiệu sách.
- i) Khi tôi có nhiều thời gian thì tôi đi du lịch.
- k) Ông Lâm là bố của chị phải không ?
- l) Chị Lan đi siêu thị để mua quần áo.

9. Chọn từ đúng điền vào chỗ trống

- a) đi ; b) đến ; c) Bao nhiêu ; d) Mấy ; e) gì
- g) nào ; h) nào ; i) gì ; k) Trong khi ; l) Sau khi

10. Điền từ thích hợp vào chỗ trống

- a) đến ; b) cho ; c) của ; d) ở đâu ; e) cho / để ; g) cho

11. Hoàn thành hội thoại

- (1) Em cần gì không / có việc gì không ?
- (2) Có / có muốn
- (3) Chúng ta (sẽ) đi bằng gì ?
- (4) Có
- (5) Không
- (6) Chúng ta sẽ ở Cát Bà bao lâu ?
- (7) Em đã đi Cát Bà (bao giờ) chưa ?
- (8) Bao giờ chúng ta đi ?

12. Đọc bài *Đi xuyên Việt bằng xích lô*, trả lời câu hỏi

- a) Anh Marty Sharples và anh Adam Hurley đã đi xuyên Việt bằng xích lô.
- b) Họ đi xuyên Việt để kêu gọi mọi người ủng hộ tiền cho trường KOTO.
- c) Trường KOTO là trường học của các trẻ em nghèo, không có gia đình.
- d) Hai anh đã đi 1700 km, mất 29 ngày.
- e) Họ đã chụp 313 bức ảnh.
- g) Họ hi vọng trường KOTO có thể nhận được hơn 30 000 đô la để giúp trẻ em nghèo.

BÀI 7. MUA SẮM

1. Điền từ ngữ ở cột B vào chỗ trống thích hợp ở cột A

- a) (1) muốn ; (2) Mời ; (3) cửa hàng
- b) (1) Bao nhiêu ; (2) Đắt thế ; (3) được không ; (4) mặc cả ; (5) 100 000 đồng ; (6) nhé

2. Đánh dấu ✓ vào ô thích hợp xác định các đồ vật sau có thể được làm bằng những vật liệu nào ?

	Gỗ	Mây	Thủy tinh	Giấy	Nhựa	Vải	Lụa
Ấm chén			✓				
Bàn ghế	✓	✓			✓		
Giường	✓	✓					
Túi xách				✓	✓	✓	✓
Khăn quàng						✓	✓

3. Đóng vai người bán, người mua, hỏi và nói giá tiền các vật trong mỗi bức tranh

b) – Bao nhiêu tiền cuốn truyện cổ tích này hả chị ?

– 22 500 đồng.

c) – Cô ơi, bao nhiêu tiền con gấu bông này ạ ?

– 30 000 đồng.

d) – Thế còn chiếc cặp sách này giá bao nhiêu ạ ?

– 55 000 đồng.

4. Đánh dấu ✓ vào ô thích hợp

a) – Câu mặc cả

b) – Câu đáp lại lời mặc cả

c) – Câu đáp lại lời mặc cả

d) – Câu mặc cả

e) – Câu đáp lại lời mặc cả

5. Nối từ ngữ ở cột A với nghĩa thích hợp ở cột B

a – 3 ; b – 2 ; c – 1

6. Đặt câu để khuyên

a) Bạn nên mặc cả khi đi mua sắm ở chợ.

b) Bạn nên mua một chiếc xe đạp để tiện đi lại.

c) Chị không nên chọn loại vải pha ni lông để may áo. / Chị đừng chọn loại vải pha ni lông để may áo.

d) Anh không nên thức khuya. / Anh đừng thức khuya.

e) Em không nên đi học muộn. / Em đừng đi học muộn.

7. Điền từ thích hợp vào chỗ trống ở cột B để tạo thành cụm từ theo mẫu **từ A đến B**. Đặt câu với cụm từ tìm được.

a) Các cụm từ

– từ miền xuôi đến miền ngược

– từ Bắc đến Nam

- từ sáng đến chiều / đến tối
- từ đầu năm đến cuối năm / đến giữa năm
- từ xưa đến nay
- b) Ví dụ về đặt câu
 - Từ Bắc đến Nam, đồng bào ta đều là con cháu các vua Hùng.
 - Đồng bào ta từ Bắc đến Nam đều là con cháu các vua Hùng.
 - Con cháu các vua Hùng sinh sống suốt từ Bắc đến Nam.
 - Mọi người làm việc từ sáng đến tối.

8. Đề nghị người bán cho xem hàng hoặc bán hàng trong các tình huống

- a) Bác làm cho cháu một bát phở bò ạ.
- b) Cô có đồ chơi gì mới không ạ ?
- c) Cháu muốn mua một cuốn truyện cổ tích.
- d) Cô chọn giúp cháu một chiếc mũ len với !
- e) Bác cho cháu một li nước cam ạ.

9. Tính kết quả và đọc các con số tìm được

- a) Hai mươi tư nghìn đồng
- b) Mười hai nghìn đồng
- c) Bảy nghìn rưỡi
- d) Năm mươi nghìn đồng

10. Điền từ đã cho vào chỗ trống thích hợp

- (1) nằm ; (2) có ; (3) có / bán ;
- (4) mua ; (5) thích ; (6) mở cửa ; (7) đóng cửa

11. Viết đoạn văn (từ 7 đến 10 câu) nói về một cửa hàng mà em biết

Đáp án mở.

BÀI 8. TRANG PHỤC – ĂN UỐNG

1. Chọn từ ngữ đã cho điền vào chỗ trống cho thích hợp

- a) áo dài ; b) hiệu may ; c) kiểu mẫu ; d) thời trang

2. Viết từ ngữ thích hợp với mỗi bức tranh dưới đây

- b) may quần ; c) đan len ; d) khâu áo ; e) dệt vải ; g) giặt quần áo

3. Đặt câu hỏi cho các tình huống

Ví dụ :

- a) Bạn đi giày số bao nhiêu ?
- b) Cậu thích chiếc áo phông màu nào ?
- c) Chị may áo ở hiệu may nào đấy ạ ?
- d) Anh mua chiếc đồng hồ này ở đâu đấy ạ ?
- e) Mẹ định đi mua sắm ở siêu thị nào ạ ?
- g) Bạn có biết đi đường nào đến chợ Đồng Xuân không ?

- h) Chị có loại vải nào để may áo dài ạ ?
- i) Bao nhiêu tiền bộ Lego này hả cô ?
- k) Bác ơi, mấy giờ thì cửa hàng sách đóng cửa hả bác ?
- l) Anh có mua được máy nghe nhạc MP3 không ?

4. Đánh dấu ✓ vào ô thích hợp

Câu hỏi dùng để hỏi : a, b, g, i, k,

Câu hỏi dùng để đề nghị : c, d, e, h, l

5. Nối vế câu ở cột A với vế câu thích hợp ở cột B để tạo thành câu có nghĩa

a – 2 ; b – 3 ; c – 5 ; d – 4 ; e – 1

6. Dùng câu hỏi để đưa ra lời đề nghị cho các tình huống

Ví dụ :

- a) Bạn có thể mua hộ tớ một chiếc bút chì được không ?
- b) Bạn có thể đưa tớ đi mua sắm được không ?
- c) Chị chọn giúp em kiểu áo hợp với em được không ?
- d) Em có thể treo quần áo vào đúng chỗ được không ?
- e) Chị có thể là (ùì) hộ em bộ quần áo được không ?

7. Nhìn tranh, đặt câu hỏi theo mẫu *có ... không ?*****

- a) Cửa hàng bác (1) **có** bán (2) **quần bò không ?**
- b) Hà Nội (1) **có** nhiều (2) **siêu thị không ?**
- c) Bạn (1) **có** mang theo (2) **áo len không ?**
- d) Em (1) **có** muốn mua (1) **một đôi giày thể thao không ?**
- e) Mẹ (1) **có** mặc (1) **áo dài** để đi dự tiệc cưới dì Lan (3) **không ?**

8. Hoàn thành câu

Ví dụ :

- a) ... trở thành đầu bếp giỏi
- b) ... có sức khoẻ tốt.
- c) ... giảm cân.
- d) ... không bị hỏng.
- e) ... cơ thể khoẻ mạnh.

9. Đặt câu hỏi để mượn đồ vật

Ví dụ :

- a) Bạn cho tớ mượn cuốn từ điển này được không ?
- b) Chị cho em mượn cái ba lô của chị được không ?
- c) Anh cho em mượn mũ của anh được không ?
- d) Bạn cho tớ mượn cuốn “Tiếng Việt Vui” của bạn được không ?
- e) Tớ mượn cái thước kẻ của bạn một lúc được không ?

10. Đọc đoạn văn *Nón bài thơ*, đánh dấu ✓ vào ☐ thích hợp
a) đúng ; b) sai ; c) sai ; d) đúng
11. Điền từ ngữ đã cho vào chỗ trống thích hợp
a) duyên dáng ; b) hình ảnh ; c) làm đẹp ; d) che mưa che nắng ; e) quen thuộc
12. Điền vào chỗ trống tên món ăn thích hợp
a) Cá rán ; b) Chả cá viên ; c) Cá xào
13. Ghi lại các từ nói về cách chế biến các món ăn trong bài tập 12
a) đun ; b) phi ; c) rán vàng ; d) lọc ; e) băm ; g) ướp ; h) đập ; i) trộn ; k) viên ; l) rán ngập mỡ ; m) thái ; n) đảo

BÀI 9. SỨC KHOẺ

1. Xem tranh, hoàn thành câu
a) Ông ấy bị đau đầu / nhức đầu.
b) Em bé bị sốt cao.
c) Chị ấy bị ho / viêm họng.
d) Anh ấy bị đau bụng.
2. Dùng từ ***lại*** để viết tiếp câu
Ví dụ :
a) ... Chị ***hát lại*** cho chúng em nghe với !
b) ... Em ***làm lại đi***.
c) ... nhưng ***vẫn muốn xem lại***.
i) ... để ***khám lại***.
c) ... , hôm nay ***anh ấy lại nghỉ***.
d) ... , hôm nay em ***lại*** quên sách ở nhà !
e) ... , hôm nay ***(trời) lại lạnh***.
g) ... , tuần này ***Nam lại về***.
3. Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành hội thoại
(1) lại nghỉ ; (2) ốm ; (3) lại ốm ; (4) bệnh viện ;
(5) bị sốt ; (6) cấp cứu ; (7) đỡ ; (8) ra viện
4. Biến đổi câu theo mẫu
a) Từ lúc uống thuốc xong, tôi thấy người khoẻ hơn.
b) Ngồi nói chuyện với bạn, mình thấy vui hơn.
c) Khí hậu ở trong Nam đỡ ẩm hơn và đỡ lạnh hơn ở ngoài Bắc.
d) Nếu bạn là người thấp và mập thì nên mặc quần áo màu đen vì trông bạn sẽ đỡ thấp hơn và đỡ mập hơn.

5. Nối các từ ở cột A với từ thích hợp ở cột B rồi đặt câu với các kết hợp đó

– Kết hợp đúng :

- a) sáng ra ; b) trắng ra ; c) cao lên ; d) ngắn đi
e) dài ra ; g) đầy lên ; h) lười đi ; i) béo ra ; k) gầy đi

– Đặt câu, ví dụ :

- a) Căn phòng **sáng lên** dưới đèn.
b) Mùa đông, Hoa **trắng ra**.
c) Năm nay, Sơn **cao lên**.
d) Áo của Sơn như **ngắn đi**.
e) Tóc Hoa **dài ra** nhiều.
g) Năm nay, Sơn **chăm lên** nhiều.
h) Tháng này, Tuấn **lười đi**.
i) Sau Tết, bố **béo ra**.
k) Mẹ **gầy đi** nhiều.

6. Hoàn thành câu

Ví dụ :

- a) Nếu bạn bị ốm thì *bạn không được đi xem xiếc cùng cả lớp*.
b) *Nếu bạn muốn nghỉ học* thì phải xin phép thầy, cô.
c) Nếu hôm nay trời lại mưa thì *chúng mình sẽ ở nhà*.
d) *Nếu bạn xem phim ấy* thì bạn sẽ bị mất ngủ.
e) Nếu bạn bị sốt cao thì *phải đi bệnh viện*.

7. Sử dụng kết cấu **nếu ... thì ...** hoặc các từ **phải, cần, nên** để nói lời khuyên

Ví dụ :

- a) Bạn **phải** ăn nhiều và chăm tập thể dục.
b) Em **cần** dậy sớm và chăm tập thể dục.
c) **Nếu** uống rượu nhiều **thì** anh sẽ mắc bệnh. / Anh **nên** bỏ rượu.
d) Bố **nên** bỏ thuốc lá. / **Nếu** bố còn hút thuốc **thì** bệnh sẽ nặng hơn đấy, bố ạ.
e) Muốn học giỏi tiếng Việt, bạn **phải** luyện tập nhiều hơn / Muốn học giỏi tiếng Việt, bạn **nên** đi du lịch Việt Nam.

8. Điền từ đã cho vào chỗ trống thích hợp để hoàn thành hội thoại

- Hội thoại A : (1) thuốc ; (2) uống ; (3) mua ; (4) viên ; (5) hết ; (6) khỏi
– Hội thoại B : (7) đơn thuốc ; (8) tất cả.

9. Hoàn thành câu

- 1 – c (cảm) ; 2 – b (đau bụng) ;
3 – b (viêm họng) ; 4 – a (sốt) ; 5 – a (ho)

10. Đọc truyện **Chữa bệnh theo sách ?**, trả lời câu hỏi

- a) Vì ông ấy rất dốt.
- b) Người bệnh bị đau bụng. Thầy lang cho uống nhân sâm.
- c) Sau khi uống thuốc xong, người bệnh càng đau bụng hơn và hôm sau thì chết.
- d) Thầy lang chữa bệnh không đúng sách vì chưa đọc hết câu trong sách.

11. Đọc bài **Triết lí sống của người Trung Quốc hiện đại**, thực hiện các yêu cầu

- a) Giải thích nội dung từng lời khuyên
 - Quên bệnh tật : không lo lắng về bệnh tật.
 - Quên hận thù : không giữ hận thù với ai.
 - Có nhà ở : có chỗ ở riêng.
 - Có bạn tri âm : có người hiểu mình để trò chuyện.
 - Có sổ tiết kiệm : có tiền để dành ở ngân hàng.
 - Phải hoà nhã : vui vẻ với mọi người, không cáu kỉnh.
 - Phải biết cười : luôn tươi cười, không buồn rầu.
 - Phải biết nói chuyện : biết trò chuyện làm người khác thấy dễ chịu, thích thú.
 - Phải coi mình là người bình thường : sống giản dị, không coi mình là người quan trọng.
- b) Lời khuyên nào thú vị nhất ? (Đáp án mở).
- c) Có lời khuyên nào bạn không đồng ý không ? (Đáp án mở).

12. Hoàn chỉnh hội thoại

- (1) Nam ; (2) bị ốm ; (3) đến / tới thăm ;
- (4) làm sao ? / ốm thế nào ? ; (5) ốm nhẹ ; (6) khám / bệnh viện ;
- (7) cho thuốc ; (8) đỡ ; (9) phải nghỉ ; (10) mau khỏi / chóng khỏi

BÀI 10. THỂ THAO

1. Nhìn tranh, trả lời câu hỏi : Họ đang chơi gì ?

- a) Họ đang chơi cầu lông.
- b) Họ đang chơi bóng rổ.
- c) Họ đang nhảy dây.
- d) Họ đang đánh cờ.

2. Chuyển những câu đã cho thành câu cảm thán

- a) Hôm nay trời nóng quá ! / lắm ! / thật !
- b) Bộ phim ấy hay quá ! /lắm ! / thật !
- c) Phở ở đây ngon quá ! / lắm ! / thật !
- d) Bạn ấy chăm quá ! / lắm ! / thật !
- e) Bạn ấy giỏi quá ! / lắm ! / thật !

3. Đặt câu với các từ ngữ đã cho ở 2 cột A, B để nói về sở thích của bạn

Ví dụ :

- Tôi rất thích đi mua sắm.
- Tôi rất mê đọc sách
- Tôi rất khoái xem phim.
- Tôi thích đi bộ.
- Tôi không thích xem bóng đá lắm.
- Tôi không thích đi uống bia với bạn bè.

4. Bạn thường làm gì vào những ngày nghỉ hoặc trong dịp nghỉ hè (đi đâu, làm gì, với ai) ?

Đáp án mở.

5. Đặt câu với các từ ngữ đã cho

Ví dụ :

- a) Tôi **nghĩ là** bạn thích xem xiếc.
- b) Tôi **cho rằng** bà thích nghe nhạc.
- c) Ông **nói là** em tôi đang sốt cao.
- d) Mẹ **bảo rằng** tôi chưa chăm học.
- e) Bố **sợ rằng** anh em tôi sẽ bị ốm.
- g) Bố mẹ **muốn là** : chúng tôi sẽ học giỏi.

6. Đặt câu với kết cấu **càng ... càng...** và các từ ngữ đã cho

- a) Việc càng khó, tôi càng thích làm.
- b) Em bé này càng lớn càng xinh. / Càng lớn, em bé này càng xinh.
- c) Mẹ càng dỗ, em bé càng khóc to hơn.
- d) Càng về cuối trận, đội MU đá càng hay. / Đội MU càng về cuối trận, đá càng hay.
- e) Nó càng giải thích tôi càng không hiểu.
- g) Trời càng về tối càng lạnh. / Càng về tối, trời càng lạnh.
- h) Bài hát này càng nghe càng (thấy) hay.
- i) Sách càng vui học sinh càng thích học.

7. Đọc hội thoại và trả lời câu hỏi : đúng hay sai ? Nếu sai, hãy sửa lại cho đúng.

- a) Sai. Paul định mời Dũng đi xem phim.
- b) Đúng.
- c) Đúng. Gia đình anh Dũng sống ở Hà Nội (Rạp Tháng Tám là một rạp chiếu phim ở Hà Nội).
- d) Sai. Chiều thứ sáu anh Dũng học tiếng Pháp.
- e) Đúng.
- g) Đúng.
- h) Sai. Paul muốn xem ở rạp Tháng Tám vì anh ấy chưa đến đấy bao giờ.

8. Hoàn thành các hội thoại theo mẫu
- a) (1) không thích ; (2) không thích
- b) (1) thích nghe nhạc ; (2) rất mê dân ca / thích dân ca ; (3) rất thích nhạc cổ điển ; (4) không thích / không thích lắm
- c) (1) mê / thích ; (2) không thích / không khoái ; (3) thích / khoái
9. Đặt câu với các cụm từ **nghĩ là, nghĩ rằng, cho là, cho rằng, sợ là, sợ rằng** để trả lời các câu hỏi
- Ví dụ :
- a) – Mình *nghĩ là / cho rằng* muốn nói tiếng Việt giỏi, bạn nên đi du lịch Việt Nam.
- b) – Cô giáo *sợ rằng / cho là* lớp mình đang ôn thi, không đi biểu diễn được.
- c) – Mình *nghĩ là / cho rằng* bố mẹ mình sẽ đồng ý cho mình đi chơi với các bạn.
- d) – Em *sợ là / nghĩ là* không đi được vì em còn rất nhiều bài tập phải làm.
- e) – Em *nghĩ là / cho rằng* mẹ sẽ đồng ý. / Em *sợ là / cho rằng* mẹ sẽ không đồng ý.
10. Viết khoảng 10 dòng về một nhà thể thao mà bạn yêu thích.
- Đáp án mở.

BÀI 11. LỄ HỘI

1. Khớp từ với tranh
- a – 3 ; b – 4 ; c – 8 ; d – 2 ; e – 9 ; g – 6 ; h – 5 ; i – 10 ; k – 1 ; l – 7
2. Dựa vào bài tập 1, đóng vai Vân và Sơn, hỏi đáp theo mẫu
- Sơn : – Chị Vân ơi, mẹ đã mua đầu sư tử chưa ?
- Vân : – Mẹ mua rồi.
- Sơn : – Mẹ đã bánh dẻo, bánh nướng chưa ?
- Vân : – Mẹ mua rồi.
- Sơn : – Mẹ đã mua na chưa ?
- Vân : – Chưa. Mẹ chưa mua na.
- Sơn : – Thế mẹ đã mua hồng, mua bưởi chưa ?
- Vân : – Mẹ mua rồi.
- Sơn : – Mẹ đã mua đèn kéo quân, mặt nạ Ông Địa chưa ?
- Vân : – Chưa. Mẹ chưa mua.
- Sơn : – Thế đèn ông sao ?
- Vân : – Mẹ cũng mua rồi.
3. Đọc và trả lời câu hỏi
- a) Hai chị em chờ tết Trung thu từ đầu tháng tám âm lịch.
- b) Hôm 12 tháng 8, hai chị em theo mẹ đi chợ Trung thu.

- c) Mẹ mua cho hai chị em hai cái mặt nạ. / mua cho Sơn mặt nạ Ông Địa, mua cho Vân mặt nạ con thỏ.
- d) Ba mẹ con mua bánh nướng, bánh dẻo, chuối, bưởi, hồng để bày cỗ Trung thu.
- e) Đêm Trung thu, hai chị em rước đèn và xem múa sư tử với con các cô bác hàng xóm.
- g) Hai chị em phá cỗ, trông trăng với bố mẹ ở nhà.

4. Điền từ ngữ đã cho vào chỗ trống thích hợp để hoàn thành hội thoại

- (1) ngày lễ ; (2) ngày lễ ; (3) Ngày Tình yêu
- (4) của người cao tuổi ; (5) của ; (6) không có

5. Trong mỗi câu đã cho, người nói ở vị trí nào so với vùng được nói đến ?

- a) Người nói ở các tỉnh phía bắc Huế.
- b) Người nói ở các tỉnh phía nam Huế.
- c) Người nói ở các vùng phía nam Việt Trì hoặc thấp hơn Việt Trì.
- d) Người nói ở các vùng phía bắc Việt Trì hoặc cao hơn Việt Trì.

6. Điền các từ **trên, trong, trước, sau** vào chỗ thích hợp

- (1) **trên** đường ; (2) **Sau** lưng bà ;
- (3) **trước** một rạp chiếu phim ; ở (4) **trong** này

7. Chuyển đổi các câu đã cho theo mẫu

- a) Ngoài tết Dương lịch, người Việt Nam còn ăn tết Nguyên đán. / Người Việt Nam ăn tết Dương lịch. Ngoài ra, người Việt Nam còn ăn tết Nguyên đán.
- b) Ngoài tết Dương lịch, tết Nguyên đán, đồng bào Khmer ở Nam Bộ còn ăn tết Chon Chnam Thơ Mây. / Đồng bào Khmer ở Nam Bộ ăn tết Dương lịch, tết Nguyên đán. Ngoài ra, đồng bào còn ăn tết Chon Chnam Thơ Mây.
- c) Ngoài hội Lim nổi tiếng, tỉnh Bắc Ninh còn nhiều lễ hội đặc sắc khác. / Tỉnh Bắc Ninh có hội Lim nổi tiếng. Ngoài ra, còn nhiều lễ hội đặc sắc khác.
- d) Ngoài biển đẹp, không khí trong lành, Nha Trang còn nhiều công trình văn hoá, lịch sử nổi tiếng. / Nha Trang có biển đẹp, không khí trong lành. Ngoài ra, Nha Trang còn nhiều công trình văn hoá, lịch sử nổi tiếng.

8. Điền các từ **nào, ấy (ấy)** vào chỗ trống

- a) (1) nào (2) ấy
- b) (1) nào (2) ấy
- c) (1) nào (2) đấy
- d) (1) nào (2) ấy
- e) (1) nào (2) ấy
- g) (1) nào (2) ấy

9. Điền các từ ***có năm, có ngày, có tháng, có lúc, có khi*** vào chỗ trống để hoàn thành hội thoại

- (1) có năm ; (2) có lần ; (3) có lần ; (4) có năm
- (5) có năm ; (6) có năm ; (7) có năm ; (8) có hôm / có ngày
- (9) có hôm / có ngày ; (10) có lúc ; (11) có lúc ; (12) có lúc

10. Kể về một buổi họp mặt mừng sinh nhật em (hoặc mừng sinh nhật ông, bà, bố, mẹ em).

Đáp án mở.

BÀI 12. NGHỆ THUẬT

1. Viết tên các môn nghệ thuật vào dưới tranh

- a) múa rối nước ; b) chèo ; c) ảo thuật ; d) tuồng ; e) nhạc nhẹ ; g) phim

2. Xếp các từ ngữ đã cho vào nhóm thích hợp

- a) Hoạ sĩ, nhạc sĩ, nhà văn, nhà thơ, diễn viên, đạo diễn, nghệ sĩ.
- b) Truyện ngắn, thơ, tiểu thuyết, truyện dân gian.
- c) Phim truyện, phim hoạt hình, phim tài liệu.
- d) Tranh sơn mài, tranh lụa, tranh sơn dầu, tranh cắt giấy, tranh dân gian.
- e) Chèo, tuồng, cải lương, kịch nói, múa rối, múa rối nước.
- g) Xiếc thú, đu bay, uốn dẻo, ảo thuật.

3. Nối từ ở cột A với từ thích hợp ở cột B

- a) nghe hát
- b) xem / coi hát ; xem / coi truyện ; xem / coi kịch ; xem / coi phim ; xem / coi xiếc ; xem / coi tranh ; xem / coi chèo ; xem / coi múa rối
- c) đọc truyện, đọc thơ
- d) diễn kịch
- e) ngâm thơ
- g) đóng kịch, đóng phim
- h) viết truyện
- i) vẽ tranh
- k) biểu diễn kịch, biểu diễn chèo, biểu diễn múa rối

4. Đặt câu với các từ ngữ ở bài tập 2

Ví dụ :

- Tết nào, ông em cũng mua tranh dân gian.
- Chủ nhật, bà em thường đi xem tuồng, xem cải lương.
- Chị em rất mê tiểu thuyết “Chiến tranh và hoà bình” của Tôn-xtôi.
- Em trai em rất mê phim hoạt hình.
- Em rất mê các nghệ sĩ ảo thuật.

5. Điền các từ **được, bị** vào chỗ trống để hoàn thành hội thoại

(1) được ; (2) được ; (3) được ; (4) bị ; (5) được ; (6) được ; (7) bị ; (8) bị

6. Đặt câu với từ **đã** để đáp lời bạn

Ví dụ :

- a) – Mình học xong **đã**.
- b) – Mình ăn cơm xong **đã**.
- c) – Mình đọc xong **đã**.
- d) – Chờ mình tìm **đã**.
- e) – Mình học xong tiếng Việt **đã**.
- g) – Mình đi Cần Thơ **đã**.

7. Đặt câu với từ **nhé**

- a) Chúng mình đi xem kịch nhé ?
- b) Mình mời bạn ăn món này rất ngon nhé !
- c) Mình đã được xem múa rối nước rồi nhé.
- d) Mình đã được thấy cầu Mỹ Thuận rồi nhé.
- e) Bạn nhớ làm bài tập 3 trong sách đấy nhé !

8. Chuyển câu chủ động thành câu bị động

- a) Quyển tiểu thuyết ấy được / bị bạn đọc phê bình.
- b) Truyện tranh “Đô-rê-mon” được trẻ em Việt Nam rất mê.
- c) Những bài hát của Trịnh Công Sơn được nhiều người yêu thích.
- d) Nghệ thuật múa rối nước của Việt Nam được người xem đánh giá cao.
- e) Quan họ được (người ta) coi là nét đặc sắc của văn hoá Bắc Ninh.

9. Điền các từ **được, bị** vào chỗ trống thích hợp

(1) được ; (2) bị ; (3) bị ; (4) được

10. Đặt câu hỏi để thể hiện ý cảm thán

- a) Sao bạn học giỏi thế ?
- b) Sao nhà bạn sạch, đẹp thế ?
- c) Em của bạn ngoan thế nhỉ ?
- d) vở kịch này hay thế nhỉ ?
- e) Sao mình viết được bài văn hay thế nhỉ ?
- g) Sao mình vẽ xấu thế nhỉ ?
- h) Vẫn chưa có bạn nào đến. Chán thế nhỉ ?
- i) Thanh niên bây giờ sao hay hát những bài hát buồn thế nhỉ ?

MỤC LỤC

	Bài	Trang
1.	LÀM QUEN	4
2.	GIA ĐÌNH	10
3.	THỜI GIAN – THỜI TIẾT	14
4.	TRƯỜNG HỌC	20
5.	CỘNG ĐỒNG	28
6.	GIAO THÔNG – LIÊN LẠC	34
7.	MUA SẮM	42
8.	TRANG PHỤC – ĂN UỐNG	48
9.	SỨC KHOẺ	54
10.	THỂ THAO	60
11.	LỄ HỘI	66
12.	NGHỆ THUẬT	72
	ĐÁP ÁN	78